CATALOGUE 2024

BẢN RÚT GỌN
SUMMARY EDITION

GARIS

HONESTY
DELICACY
DEDICATION

MEGKEL

Link xem video thực tế
tại Catalogue bản đầy đủ

INTRODUCTION

As an international hardware accessories company, Garis has developed in more than 96 countries around the world, and been presented in Vietnam in 2010. As Asia's leading manufacturer of kitchen cabinets, wardrobes and manufacturing accessories, we have been a strategic partner of many global brands.

Investing a large amount of money in product research and development (R&D), we are the pioneer in innovating and applying the world's leading modern technology. At GARIS, ERP system is applied thoroughly, allowing tightly control of the entire production process with strict requirements. Besides, we have successfully established systems that meet US, European and many other standards including ISO 9001, ISO 14001 and SGS.

Possessing a huge source of data on the wishes and habits of customers from nearly 100 countries and territories around the world, GARIS has analyzed, synthesized, and came out with fashionable, luxurious designs that is consistent consumer tastes. Moreover, our products are made of high quality materials, stand out with 304 Stainless Steel (according to Japanese standard JIS G4305). The warranty period of rust for GARIS products can be up to 25 years.

After more than 10 years of development, up to now, GARIS Vietnam has owned a wide and maneuverable distribution network, fast delivery with more than 3000 agents nationwide and continuing to expand. Garis Vietnam's distribution center is located in Hanoi and covers an area of nearly 4000 m2. All GARIS Vietnam's products are affixed with anti-counterfeiting stamps that is licensed by the Vietnam MINISTRY OF PUBLIC SECURITY.

With the philosophy: Honesty in business – Dedication to customers - Delicacy in products, GARIS will always accompany, ensure the highest satisfaction for customers.

LỜI GIỚI THIỆU

Là công ty phụ kiện nội thất quốc tế, Garis đã phát triển tại 96 quốc gia trên thế giới, và có mặt tại Việt Nam từ năm 2010. Với vai trò nhà sản xuất hàng đầu Châu Á về phụ kiện tủ bếp, tủ quần áo và phụ kiện sản xuất, chúng tôi đã và đang là đối tác chiến lược của nhiều thương hiệu toàn cầu.

GARIS là một trong số rất ít công ty chú trọng đầu tư ngân sách lớn cho việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D), là đơn vị tiên phong trong việc đổi mới và áp dụng công nghệ tiên tiến bậc nhất thế giới. Tại GARIS, hệ thống ERP được áp dụng một cách triệt để, cho phép kiểm soát chặt chẽ toàn bộ quy trình sản xuất với những yêu cầu nghiêm ngặt. Bên cạnh đó, chúng tôi đã thiết lập thành công hệ thống sản xuất đạt tiêu chuẩn Mỹ, tiêu chuẩn Châu Âu và nhiều tiêu chuẩn khác trong đó có ISO 9001, ISO 14001 và SGS.

Sở hữu nguồn dữ liệu khổng lồ về mong muốn và thói quen của khách hàng từ gần 100 Quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, GARIS đã phân tích, tổng hợp, từ đó đưa ra những thiết kế thời thượng, sang trọng và phù hợp thị hiếu người tiêu dùng. Sản phẩm của chúng tôi được sản xuất từ những chất liệu cao cấp, nổi bật với Inox 304 (theo tiêu chuẩn JIS G4305 của Nhật Bản), do đó thời gian bảo hành rỉ rổ cho các dòng sản phẩm có thể lên đến 25 năm

Sau hơn 10 năm phát triển, đến nay, GARIS Việt Nam đã và đang sở hữu hệ thống phân phối cơ động và rộng khắp, giao hàng tận nơi, nhanh chóng với hơn 3.000 đại lý trên toàn quốc và đang tiếp tục được nhân rộng. Trung tâm phân phối của Garis Việt Nam được đặt tại Hà Nội và TP. HCM với diện tích gần 4.000 m2. Toàn bộ sản phẩm của GARIS Việt Nam đều được gắn tem chống hàng giả do Trung tâm kỹ thuật - tài liệu nghiệp vụ Bộ Công an Việt Nam cấp phép.

Với triết lý: Trung Thực trong kinh doanh - Tận Tụy với khách hàng - Tinh Tế trong từng sản phẩm, GARIS sẽ luôn đồng hành, đảm bảo sự hài lòng cao nhất cho Quý khách hàng.

Mục lục

Content

4-5

Giá nâng hạ thông minh

Intelligent lifting racks

6-7

Giá bát đĩa nâng hạ cho tủ bếp trên

Magic collector

8-9

Giá bát đĩa cố định cho tủ bếp trên

Draining rack

10-14

Giá bát đĩa, xoong nồi cho tủ bếp dưới

Multi-function pot, pan and dish basket

15-18

Giá để chai lọ gia vị, dao thớt

Multi-function pull-out basket

19-20

Giá để chai lọ tẩy rửa/ Phụ kiện bếp Mini

Under-sink basket/ Kitchen-accessories mini

21-23

Hệ góc đa năng

Magic corner

24-26

Tủ đồ khô

Pantry unit

27-29

Thùng gạo

Rice box

30

Thùng rác

Waste bin

31

Khay chia trong ngăn kéo

Cutlery tray

32-33

Hệ giá treo

Multi-function rack

34-36

Chậu rửa

Kitchen sink unit

37-40

Vòi rửa

Kitchen faucet unit

41-44

Phụ kiện tủ quần áo - Emerald Series

Wardrobe accessories - Emerald series

45-50

Phụ kiện tủ quần áo - Ruby Series

Wardrobe accessories - Ruby series

51-57

Phụ kiện tủ quần áo - Snow Series

Wardrobe accessories - Snow series

58-60

Ray hộp Gigabox giảm chấn

Gigabox inbox soft-closing drawer slides

61-63

Bản lề Hamburg

Hamburg hinges

64

Ray âm giảm chấn Dresden

Dresden hidden slides

65-66

Ray bi Bremen

Bremen ball-bearing slides

67-69

Ray trượt cửa lùa

Door slides

70-73

Tay nắm cao cấp

Elegance door handle

74-75

Phụ kiện sản xuất khác/ Đèn led

Other furniture manufactoring accessories / Led lights

GIÁ BÁT ĐĨA NÂNG HẠ ĐIỆN CÓ SẤY KHÔ
**Bảo hành điện tử 36 tháng, rỉ rổ 20 năm*
Công nghệ Inverter, sấy khô khử khuẩn khí nóng 65°C, sản xuất tại Nhật Bản, kèm biến áp đổi nguồn
ML06.9H

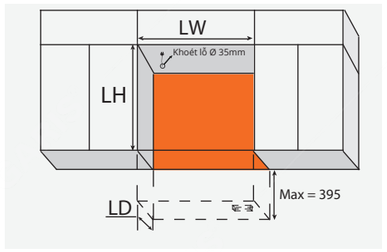

GIÁ BÁT ĐĨA NÂNG HẠ ĐIỆN
**Bảo hành điện tử 24 tháng, rỉ rổ 15 năm*
Khung nhôm, rổ inox 304, điều khiển bằng giọng nói tiếng Việt + cảm ứng (GL06XV) hoặc cảm ứng (GL06XT)
GL06X

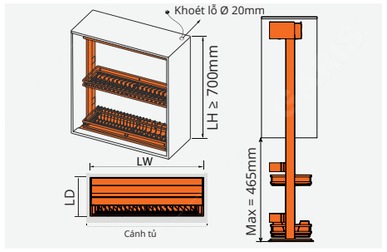

GIÁ GIA VỊ NÂNG HẠ ĐIỆN
**Bảo hành điện tử 24 tháng, rỉ rổ 15 năm*
Khung nhôm, rổ inox 304, điều khiển cảm ứng
GL05X

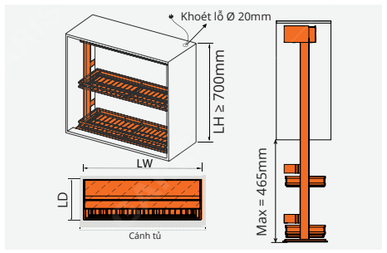

Mã sản phẩm	Loại sản phẩm	Tính năng điều khiển	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng, sâu lọt lòng tủ (LW*LD/mm)	Chiều cao lọt lòng tủ (LH) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
ML06.9H	Giá bát đĩa kèm theo tủ gỗ + mặt cánh	Nút bấm	R900*S350*C700	900	900*350	≥ 700	Bộ	49.990.000
ML06.9H	Giá bát đĩa không kèm theo tủ gỗ + mặt cánh		R874*S334*C685	910	874*335	≥ 685	Bộ	49.990.000
GL06.7XV	Giá bát đĩa	Giọng nói/cảm ứng	R664*S270*C688	700	664*265	≥ 700	Bộ	24.590.000
GL06.8XV			R764*S270*C688	800	764*265	≥ 700	Bộ	25.590.000
GL06.9XV			R864*S270*C688	900	864*265	≥ 700	Bộ	26.590.000
GL06.7XT	Giá bát đĩa	Cảm ứng	R664*S270*C688	700	664*265	≥ 700	Bộ	20.590.000
GL06.8XT			R764*S270*C688	800	764*265	≥ 700	Bộ	21.590.000
GL06.9XT			R864*S270*C688	900	864*265	≥ 700	Bộ	22.590.000
GL05.7X	Giá gia vị	Cảm ứng	R664*S270*C688	700	664*265	≥ 700	Bộ	18.990.000
GL05.8X			R764*S270*C688	800	764*265	≥ 700	Bộ	20.390.000
GL05.9X			R864*S270*C688	900	864*265	≥ 700	Bộ	21.390.000

GIÁ GIA VỊ NÂNG HẠ ĐIỆN
**Bảo hành 24 tháng*
Nhôm phủ Fluorocarbon, màu Titan, điều khiển bằng giọng nói tiếng Việt hoặc cảm ứng chạm
ML05X

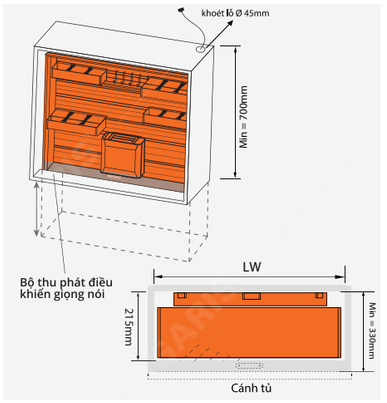

GIÁ GIA VỊ NÂNG HẠ
**Bảo hành 24 tháng*
Nhôm, phủ Fluorocarbon, màu Titan, trợ lực đẩy
GL05

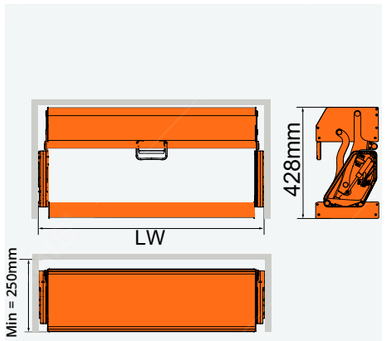

Mã sản phẩm	Loại tầng	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Khoảng hở đáy tủ (LW) mm	Kích thước lọt lòng tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
ML05.70X		R654*S210*C700	700	664*215	664	Bộ	30.590.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp ML05X với các sản phẩm trong Titanium Series
ML05.80X		R754*S210*C700	800	764*215	764	Bộ	30.990.000	
ML05.90X		R854*S210*C700	900	864*215	864	Bộ	31.990.000	
GL05.702	Tầng nâng hạ trên	R664*S240*C382	700		664	Bộ	5.190.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp cả tầng trên và tầng dưới của bộ GL05 và các sản phẩm khác trong CARBONIS Series, và các sản phẩm sau trang 04
GL05.802		R764*S240*C382	800		764	Bộ	5.390.000	
GL05.701	Khay để bát đĩa, ly cốc dưới rời	R590*S240*C90	700			Bộ	1.590.000	
GL05.801		R690*S240*C90	800			Bộ	1.690.000	

GIÁ BÁT ĐĨA NÂNG HẠ
Nan quả trám, inox 304, bề mặt điện hóa bóng gương, 2 tầng, 2 khay hứng nước
ML06V

**Bảo hành rỉ rổ 25 năm*

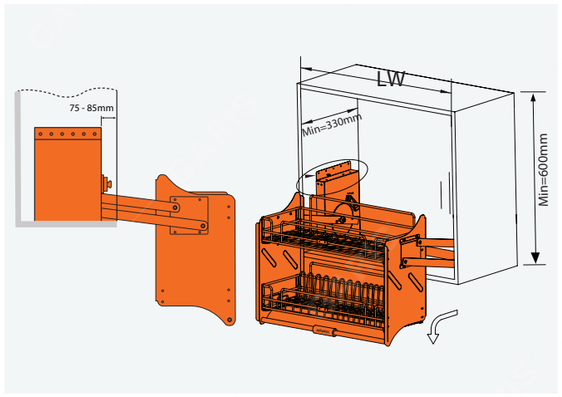

GIÁ BÁT ĐĨA NÂNG HẠ
Nan quả trám, thép, bề mặt phủ nano 5 lớp, màu Titan, 2 tầng, 2 khay hứng nước
ML06N

**Bảo hành rỉ rổ 10 năm*

Mặt cắt nan thép hình oval phủ nano của TITANIUM SERIES

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
ML06.70V	R664*S265*C550	700	**664**	Bộ	11.990.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá bát đĩa nâng hạ ML06V với các sản phẩm khác trong MV Series và các sản phẩm sau trang 17
ML06.80V	R764*S265*C550	800	**764**	Bộ	12.390.000	
ML06.90V	R864*S265*C550	900	**864**	Bộ	12.890.000	
ML06.70N	R664*S280*C550	700	**664**	Bộ	9.990.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá bát đĩa nâng hạ ML06N với các sản phẩm khác trong TITANIUM Series và các sản phẩm sau trang 17
ML06.80N	R764*S280*C550	800	**764**	Bộ	10.190.000	
ML06.90N	R864*S280*C550	900	**864**	Bộ	10.490.000	

GIÁ BÁT ĐĨA NÂNG HẠ
Nan dẹt, inox 304, bề mặt mạ Chrome 5 lớp, 2 tầng, 2 khay hứng nước
GL06C

**Bảo hành rỉ rổ 20 năm*

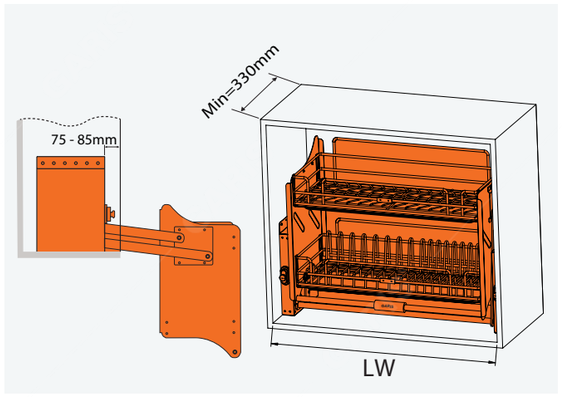

GIÁ BÁT ĐĨA NÂNG HẠ
Nan dẹt, inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ, 2 tầng, 2 khay hứng nước
GL06E

**Bảo hành rỉ rổ 15 năm*

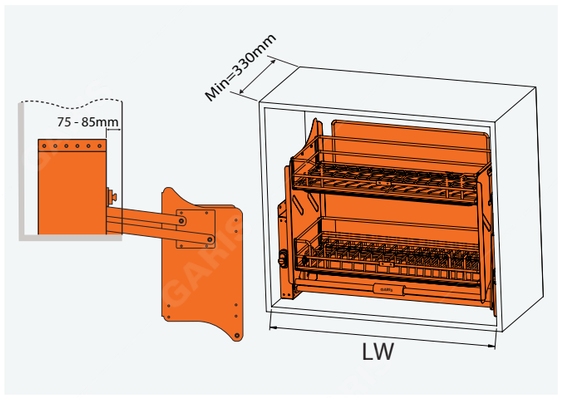

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
GL06.60C	R564*S270*C550	600	**564**	Bộ	9.590.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá bát đĩa nâng hạ GL06C với các sản phẩm khác trong PREMIUM Series và các sản phẩm sau trang 17
GL06.70C	R664*S270*C550	700	**664**	Bộ	9.890.000	
GL06.80C	R764*S270*C550	800	**764**	Bộ	10.090.000	
GL06.90C	R864*S270*C550	900	**864**	Bộ	10.390.000	
GL06.60E	R564*S280*C550	600	**564**	Bộ	8.590.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá bát đĩa nâng hạ GL06E với các sản phẩm khác trong BASE Series và các sản phẩm sau trang 17
GL06.70E	R664*S280*C550	700	**664**	Bộ	8.890.000	
GL06.80E	R764*S280*C550	800	**764**	Bộ	9.090.000	
GL06.90E	R864*S280*C550	900	**864**	Bộ	9.390.000	

GIÁ BÁT ĐĨA CỐ ĐỊNH
Nan dẹt kết hợp tròn, inox 304, bề mặt điện hóa, 2 tầng, 1 khay hứng nước
MB04E

**Bảo hành rỉ rổ 25 năm*

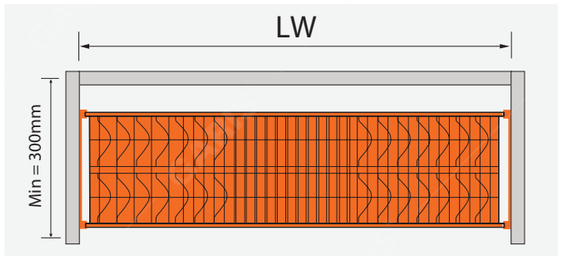

GIÁ BÁT ĐĨA CỐ ĐỊNH
Nan quả trám, thép, bề mặt phủ nano 5 lớp, màu Titan, 2 tầng, 1 khay hứng nước
MB04N

**Bảo hành rỉ rổ 10 năm*

Mặt cắt nan thép hình oval phủ nano của TITANIUM SERIES

GIÁ BÁT ĐĨA CỐ ĐỊNH
Nan tròn, inox 304, bề mặt mạ Chrome 5 lớp, 2 tầng, 2 khay hứng nước
GB04C

**Bảo hành rỉ rổ 20 năm*

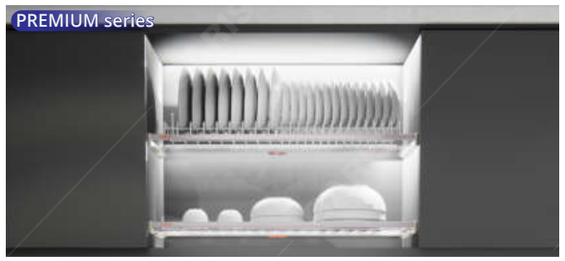

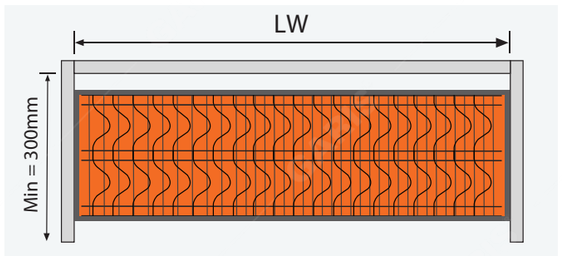

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
MB04.60E	R564*S270*C80/70	600	**564**	Bộ	2.650.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá bát đĩa cố định MB04E với các sản phẩm khác trong MV Series và các sản phẩm sau trang 17
MB04.70E	R664*S270*C80/70	700	**664**	Bộ	2.850.000	
MB04.80E	R764*S270*C80/70	800	**764**	Bộ	3.090.000	
MB04.90E	R864*S270*C80/70	900	**864**	Bộ	3.290.000	
MB04.70N	R664*S270*C100/130	700	**664**	Bộ	2.550.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá bát đĩa cố định MB04N với các sản phẩm khác trong TITANIUM Series và các sản phẩm sau trang 17
MB04.80N	R764*S270*C100/130	800	**764**	Bộ	2.750.000	
MB04.90N	R864*S270*C100/130	900	**864**	Bộ	2.950.000	
GB04.60C	R564*S262*C67/155	600	**564**	Bộ	2.390.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá bát đĩa cố định GB04C với các sản phẩm khác trong PREMIUM Series và các sản phẩm sau trang 17
GB04.70C	R664*S262*C67/155	700	**664**	Bộ	2.590.000	
GB04.80C	R764*S262*C67/155	800	**764**	Bộ	2.790.000	
GB04.90C	R864*S262*C67/155	900	**864**	Bộ	2.990.000	

GIÁ BÁT ĐĨA CỐ ĐỊNH
Nan tròn, inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ, 2 tầng, 2 khay hứng nước
GB04E

**Bảo hành rỉ rổ 15 năm*

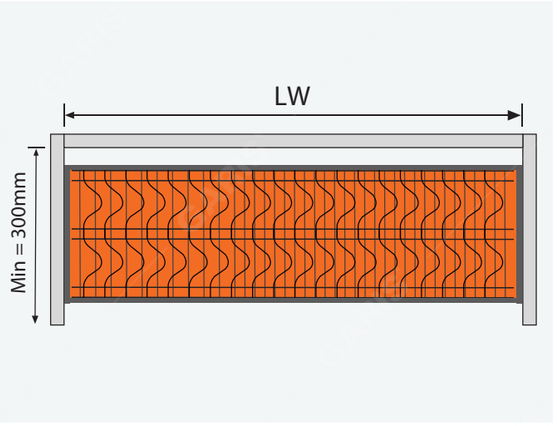

GIÁ BÁT ĐĨA CỐ ĐỊNH
Nan tròn, inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ, 3 tầng, 1 khay hứng nước
GB07E

**Bảo hành rỉ rổ 15 năm*

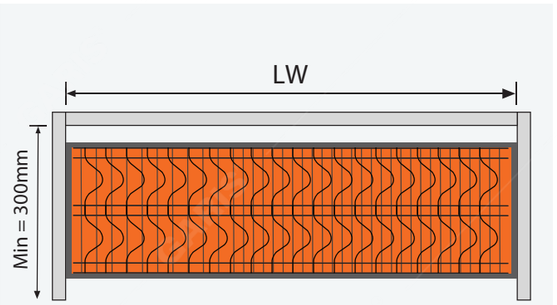

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
GB04.60E	R564*S262*C67/155	600	**564**	Bộ	1.790.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá bát đĩa cố định GB04E với các sản phẩm khác trong BASE Series và các sản phẩm sau trang 17
GB04.70E	R664*S262*C67/155	700	**664**	Bộ	1.990.000	
GB04.80E	R764*S262*C67/155	800	**764**	Bộ	2.190.000	
GB04.90E	R864*S262*C67/155	900	**864**	Bộ	2.390.000	
GB07.80E	R764*S262*C67/155/67	800	**764**	Bộ	3.390.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá bát đĩa cố định GB07E với các sản phẩm khác trong BASE Series và các sản phẩm sau trang 17
GB07.90E	R864*S262*C67/155/67	900	**864**	Bộ	3.590.000	

GIÁ XOONG NỒI VÁCH HỘP
Nan quả trám, bề mặt điện hóa bóng gương, dùng cho cánh kéo
MP02V

**Bảo hành rỉ rổ 25 năm*

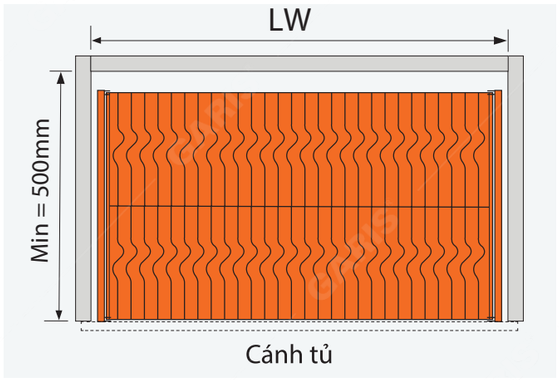

GIÁ BÁT ĐĨA, THÌA ĐŨA VÁCH HỘP
Nan quả trám, inox 304, bề mặt điện hóa bóng gương, dùng cho cánh kéo
MD02V

**Bảo hành rỉ rổ 25 năm*

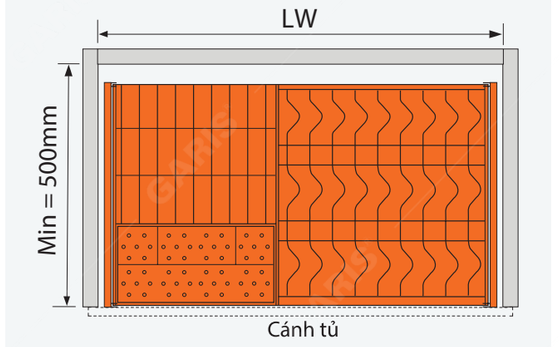

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
MP02.60V	R564*S480*C155	600	**564**	Bộ	4.890.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá xoong nồi MP02V với MD02V, các sản phẩm khác trong MV Series và các sản phẩm sau trang 17
MP02.70V	R664*S480*C155	700	**664**	Bộ	5.250.000	
MP02.80V	R764*S480*C155	800	**764**	Bộ	5.400.000	
MP02.90V	R864*S480*C155	900	**864**	Bộ	5.790.000	
MD02.60V	R564*S480*C155	600	**564**	Bộ	5.350.000	
MD02.70V	R664*S480*C155	700	**664**	Bộ	6.250.000	
MD02.80V	R764*S480*C155	800	**764**	Bộ	6.590.000	
MD02.90V	R864*S480*C155	900	**864**	Bộ	6.890.000	

Ghi chú: MD02V kích thước 600mm không bao gồm khay nhựa để thìa đũa

GIÁ XOONG NỒI/BÁT ĐĨA
Nan quả trám, inox 304, bề mặt điện hóa bóng gương, dùng cho cánh mở/kéo
MD04V

**Bảo hành rỉ rổ 25 năm*

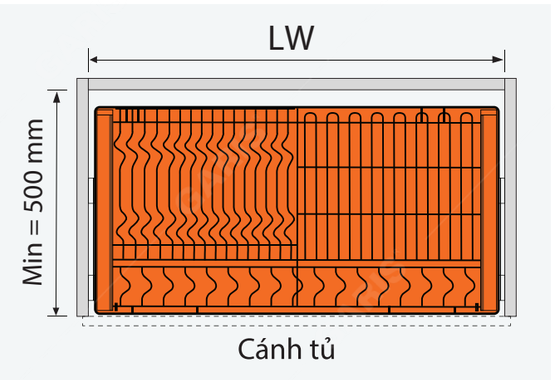

GIÁ XOONG NỒI/BÁT ĐĨA
Nan quả trám, thép, bề mặt phủ nano 5 lớp, màu Titan, dùng cho cánh mở/kéo
MD04N

**Bảo hành rỉ rổ 10 năm*

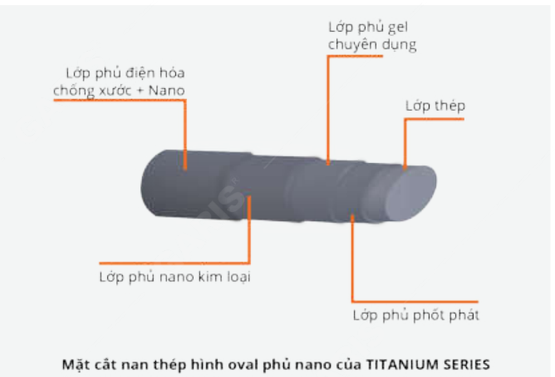

Mặt cắt nan thép hình oval phủ nano của TITANIUM SERIES

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
MD04.70V	R664*S480*C260	700	**664**	Bộ	4.290.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp 2 bộ MD04V trong 1 khoang tủ bếp dưới. Đối với các khoang tủ còn lại nên sử dụng các sản phẩm khác trong MV Series và các sản phẩm sau trang 17
MD04.80V	R764*S480*C260	800	**764**	Bộ	4.490.000	
MD04.90V	R864*S480*C260	900	**864**	Bộ	4.690.000	
MD04.70N	R664*S480*C260	700	**664**	Bộ	3.300.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp 2 bộ MD04N trong 1 khoang tủ bếp dưới. Đối với các khoang tủ còn lại nên sử dụng các sản phẩm khác trong Titanium Series và các sản phẩm sau trang 17
MD04.80N	R764*S480*C260	800	**764**	Bộ	3.500.000	
MD04.90N	R864*S480*C260	900	**864**	Bộ	3.700.000	

GIÁ BÁT ĐĨA **GD02C**
Nan dẹt, inox 304, bề mặt mạ chrome 5 lớp, dùng cho cánh kéo

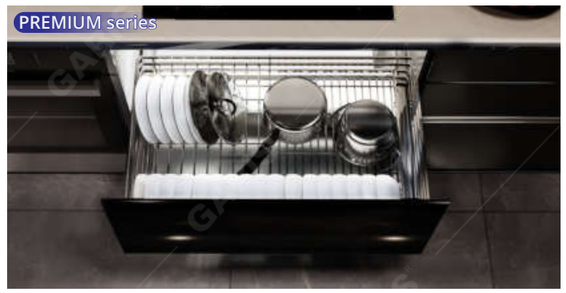

GIÁ BÁT ĐĨA **GD04C**
Nan dẹt, inox 304, bề mặt mạ chrome 5 lớp, dùng cho cánh mở

**Bảo hành rỉ rổ 20 năm*

GIÁ XOONG NỒI **GP02C**
Nan dẹt, inox 304, bề mặt mạ chrome 5 lớp, dùng cho cánh kéo

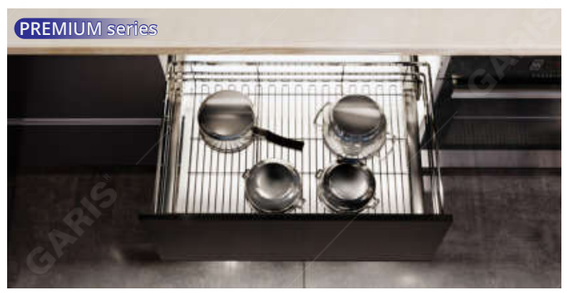

GIÁ XOONG NỒI **GP04C**
Nan dẹt, inox 304, bề mặt mạ chrome 5 lớp, dùng cho cánh mở

**Bảo hành rỉ rổ 20 năm*

Mã sản phẩm	Loại cánh tủ	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
GD02.60C	Cánh kéo	R564*S485*C190	600	**564**	Bộ	3.190.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp 01 giá bát đĩa GD02C/GD04C với 01 giá xoong nồi GP02C/GP04C trong một khoang tủ, đồng thời kết hợp thêm các sản phẩm khác trong PREMIUM Series và các sản phẩm sau trang 17
GD02.70C		R664*S485*C190	700	**664**	Bộ	3.390.000	
GD02.80C		R764*S485*C190	800	**764**	Bộ	3.690.000	
GD02.90C		R864*S485*C190	900	**864**	Bộ	3.890.000	
GD04.60C	Cánh mở	R564*S462*C190	600	**564**	Bộ	3.300.000	
GD04.70C		R664*S462*C190	700	**664**	Bộ	3.500.000	
GD04.80C		R764*S462*C190	800	**764**	Bộ	3.800.000	
GD04.90C		R864*S462*C190	900	**864**	Bộ	3.990.000	
GP02.60C	Cánh kéo	R564*S485*C190	600	**564**	Bộ	3.090.000	
GP02.70C		R664*S485*C190	700	**664**	Bộ	3.290.000	
GP02.80C		R764*S485*C190	800	**764**	Bộ	3.490.000	
GP02.90C		R864*S485*C190	900	**864**	Bộ	3.650.000	
GP04.60C	Cánh mở	R564*S462*C190	600	**564**	Bộ	3.200.000	
GP04.70C		R664*S462*C190	700	**664**	Bộ	3.400.000	
GP04.80C		R764*S462*C190	800	**764**	Bộ	3.600.000	
GP04.90C		R864*S462*C190	900	**864**	Bộ	3.750.000	

GIÁ BÁT ĐĨA, XOONG NỒI, CHO TỦ BẾP DƯỚI
Multi-function pot, pan and dish basket

GIÁ XOONG NỒI **GP02E**
Nan dẹt, inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ, dùng cho cánh kéo

**Bảo hành rỉ rổ 15 năm*

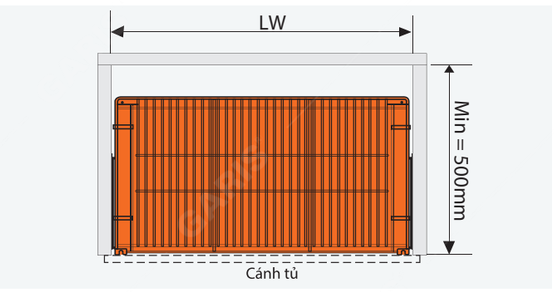

GIÁ BÁT ĐĨA **GD02E**
Nan dẹt, inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ, dùng cho cánh kéo

**Bảo hành rỉ rổ 15 năm*

GIÁ BÁT ĐĨA **GD04E**
Nan dẹt, inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ, dùng cho cánh mở

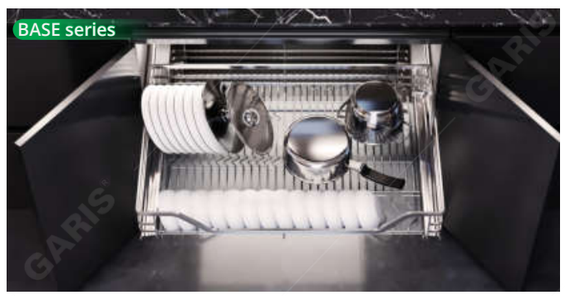

**Bảo hành rỉ rổ 15 năm*

Mã sản phẩm	Loại cánh tủ	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
GP02.60E	Cánh kéo	R564*S485*C190	600	**564**	Bộ	2.590.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp 01 bộ GP02E với 01 bộ GD02E/ GD04E trong 1 khoang tủ bếp dưới. Đối với các khoang tủ còn lại nên sử dụng các sản phẩm khác trong BASE Series và các sản phẩm sau trang 17
GP02.70E		R664*S485*C190	700	**664**	Bộ	2.790.000	
NEW GP02.75E		R714*S485*C190	750	**714**	Bộ	2.890.000	
GP02.80E		R764*S485*C190	800	**764**	Bộ	2.990.000	
GP02.90E		R864*S485*C190	900	**864**	Bộ	3.190.000	
GD02.60E	Cánh kéo	R564*S485*C190	600	**564**	Bộ	2.690.000	
GD02.70E		R664*S485*C190	700	**664**	Bộ	2.890.000	
NEW GD02.75E		R714*S485*C190	750	**714**	Bộ	2.990.000	
GD02.80E		R764*S485*C190	800	**764**	Bộ	3.190.000	
GD02.90E		R864*S485*C190	900	**864**	Bộ	3.390.000	
GD04.60E	Cánh mở	R564*S462*C190	600	**564**	Bộ	3.090.000	
GD04.70E		R664*S462*C190	700	**664**	Bộ	3.290.000	
GD04.80E		R764*S462*C190	800	**764**	Bộ	3.490.000	
GD04.90E		R864*S462*C190	900	**864**	Bộ	3.590.000	

GIÁ BÁT ĐĨA, XOONG NỒI, CHO TỦ BẾP DƯỚI
Multi-function pot, pan and dish basket

GIÁ XONG NỒI
Nan tạo hình dạng hộp, inox, dùng cho cánh kéo
GP01

**Bảo hành 24 tháng*

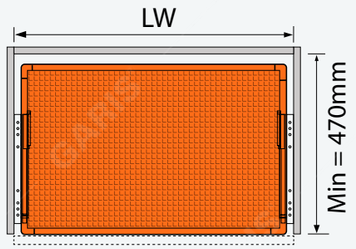

GIÁ BÁT ĐĨA
Nan tạo hình dạng hộp, inox, dùng cho cánh kéo
GD01

**Bảo hành 24 tháng*

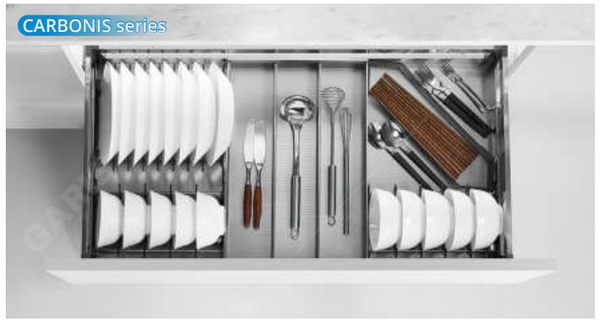

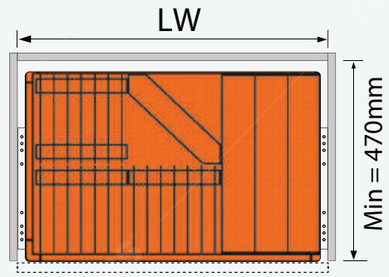

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
GP01.60	R564*S450*C175	600	**564**	Bộ	2.320.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp 01 giá xoong nồi GP01 với 01 giá bát đĩa GD01 trong một khoang tủ, đồng thời kết hợp thêm các sản phẩm khác trong CARBONIS Series, các mẫu giá bát tủ trên và các sản phẩm sau trang 17
GP01.70	R664*S450*C175	700	**664**	Bộ	2.430.000	
GP01.80	R764*S450*C175	800	**764**	Bộ	2.550.000	
GP01.90	R864*S450*C175	900	**864**	Bộ	2.650.000	
GD01.60	R564*S450*C175	600	**564**	Bộ	3.090.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp 01 giá bát đĩa GD01 với 01 giá xoong nồi GP01 trong một khoang tủ, đồng thời kết hợp thêm các sản phẩm khác trong CARBONIS Series, các mẫu giá bát tủ trên và các sản phẩm sau trang 17
GD01.70	R664*S450*C175	700	**664**	Bộ	3.280.000	
GD01.80	R764*S450*C175	800	**764**	Bộ	3.490.000	
GD01.90	R864*S450*C175	900	**864**	Bộ	3.690.000	

GIÁ ĐỂ CHAI LỌ, GIA VỊ, DAO THỚT
Multi-function pull-out basket

GIÁ DAO THỚT, GIA VỊ, CHAI LỌ
Nan quả trám, inox 304, bề mặt điện hóa bóng gương, đáy nan chống bám bẩn, dùng cho cánh mở và kéo
MM02V

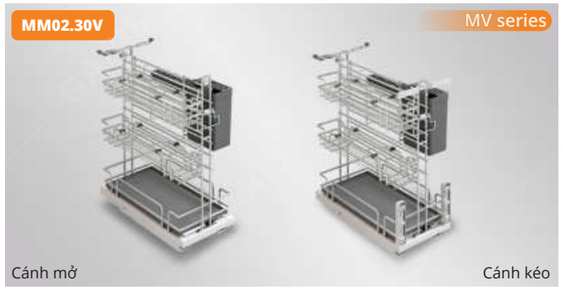

GIÁ DAO THỚT, GIA VỊ, CHAI LỌ
Nan quả trám, thép, bề mặt phủ nano 5 lớp, màu Titan, đáy nan chống bám bẩn, dùng cho cánh mở và kéo
MM02N

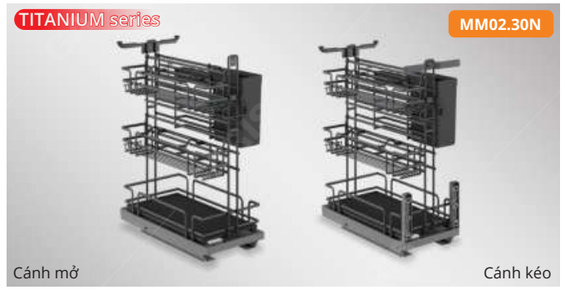

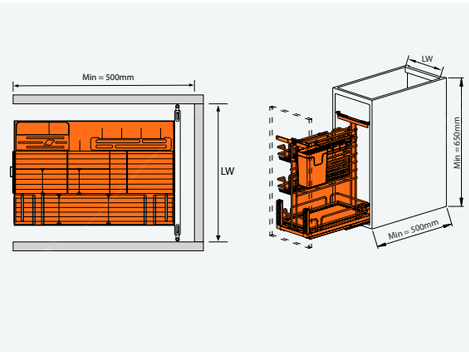

**Bảo hành rỉ rổ 25 năm*

**Bảo hành rỉ rổ 10 năm*

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Chiều rộng lọt lòng (mm)		Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
		Cánh kéo	Cánh mở			
MM02.30V	R245*S475*C555	LW: 255 - 304	LW: 300 - 349	Bộ	5.550.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá dao thớt, gia vị, chai lọ MM02V với các sản phẩm khác trong MV Series và các sản phẩm sau trang 17
MM02.35V	R295*S475*C555	LW: 305 - 354	LW: 350 - 399	Bộ	5.950.000	
MM02.40V	R345*S475*C555	LW ≥ 355	LW ≥ 400	Bộ	6.350.000	
MM02.30N	R245*S475*C555	LW: 255 - 304	LW: 300 - 349	Bộ	3.650.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá dao thớt, gia vị, chai lọ MM02N với các sản phẩm khác trong TITANIUM Series và các sản phẩm sau trang 17
MM02.35N	R295*S475*C555	LW: 305 - 354	LW: 350 - 399	Bộ	3.750.000	
MM02.40N	R345*S475*C555	LW ≥ 355	LW ≥ 400	Bộ	3.890.000	

GIÁ DAO THỚT, GIA VỊ, CHAI LỌ
Nan dẹt, inox 304, bề mặt mạ chrome 5 lớp, dùng cho cánh kéo
GM02C-GK02C

**Bảo hành rỉ rổ 20 năm*

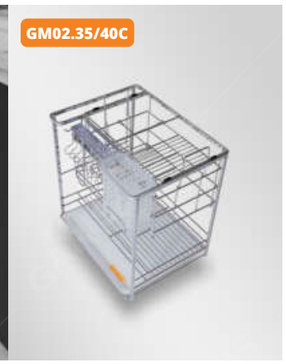

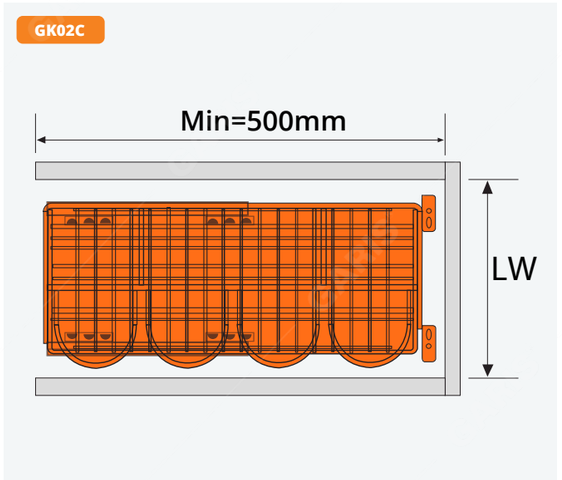

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
GK02.25C	R185*S480*C465	250	**195 - 244**	Bộ	3.590.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá dao thớt, gia vị, chai lọ GK02C, GM02C với các sản phẩm khác trong PREMIUM Series và các sản phẩm sau trang 17
GM02.30C	R235*S480*C465	300	**245 - 294**	Bộ	3.790.000	
GM02.35C	R285*S480*C540	350	**295 - 344**	Bộ	3.990.000	
GM02.40C	R335*S480*C540	400	**≥ 345**	Bộ	4.190.000	

GIÁ DAO THỚT, GIA VỊ, CHAI LỌ
Nan dẹt, inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ, dùng cho cánh kéo
GM02E

**Bảo hành rỉ rổ 15 năm*

GIÁ GIA VỊ
Nan dẹt, inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ, dùng cho cánh kéo
GK02E

**Bảo hành rỉ rổ 15 năm*

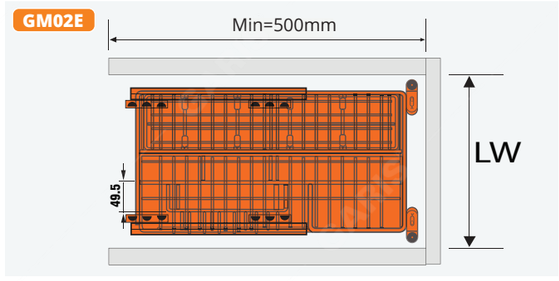

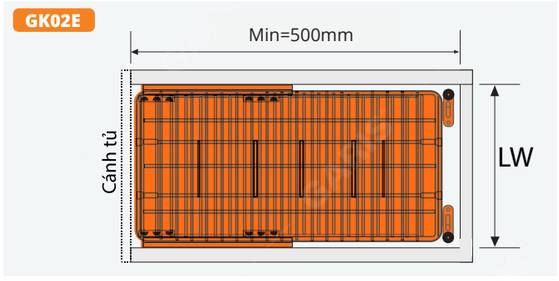

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
GM02.20E	R145*S485*C465	200	**155 - 194**	Bộ	2.990.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá dao thớt, gia vị, chai lọ GM02E với các sản phẩm khác trong BASE Series và các sản phẩm khác sau trang 17
GM02.25E	R190*S485*C465	250	**200 - 244**	Bộ	3.140.000	
GM02.30E	R235*S485*C465	300	**245 - 294**	Bộ	3.240.000	
GM02.35E	R285*S485*C465	350	**295 - 344**	Bộ	3.340.000	
GM02.40E	R335*S485*C465	400	**≥ 345**	Bộ	3.490.000	
GK02.20E	R150*S485*C495	200	**160 - 199**	Bộ	2.950.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá chai lọ GK02E với các sản phẩm khác trong BASE Series và các sản phẩm khác sau trang 17
GK02.25E	R190*S485*C495	250	**200 - 244**	Bộ	3.090.000	
GK02.30E	R235*S485*C495	300	**245 - 299**	Bộ	3.190.000	
GK02.35E	R290*S485*C495	350	**300 - 344**	Bộ	3.250.000	
GK02.40E	R335*S485*C495	400	**≥ 345**	Bộ	3.390.000	

GIÁ DAO THỚT, GIA VỊ, CHAI LỌ
Nan tạo hình dạng hộp, inox, dùng cho cánh kéo
GK01-GM01

*Bảo hành 24 tháng

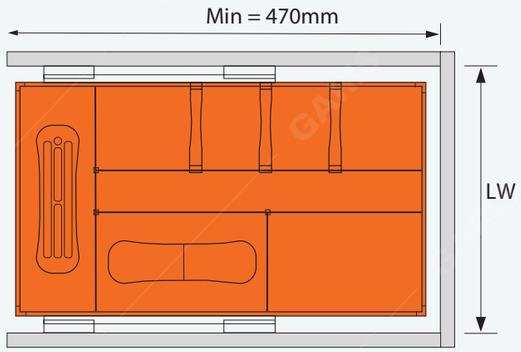

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT	Gợi ý kết hợp phụ kiện khi thiết kế căn bếp
GK01.20	R155*S450*C490	200	165 - 295	Bộ	2.650.000	Căn bếp sẽ đẹp hơn khi kết hợp giá dao thớt, gia vị, chai lọ GK01, GM01 với các sản phẩm khác trong CARBONIS Series, các mẫu giá bát tủ trên và các sản phẩm sau trang 17
GM01.30	R250*S450*C490	300	260 - 309	Bộ	3.090.000	
GM01.35	R300*S450*C490	350	310 - 359	Bộ	3.290.000	
GM01.40	R350*S450*C490	400	≥ 360	Bộ	3.450.000	

Phụ kiện nhựa để cốc

*Bảo hành 24 tháng

Mã sản phẩm	GD02C
Quy cách (mm)	R45*S380*C70
Mô tả sản phẩm	Chất liệu: nhựa ABS cao cấp Dùng để cài vào 2 bên thành của giá xoong nồi bát đĩa tủ dưới
Đơn vị	Cái
Đơn giá (VNĐ) *(Giá chưa VAT)*	100.000

Phụ kiện nhựa để thìa đũa

*Bảo hành 24 tháng

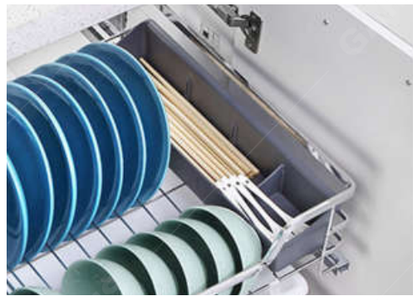

Mã sản phẩm	GD02S
Quy cách (mm)	R100*S380*C75
Mô tả sản phẩm	Chất liệu: nhựa ABS cao cấp Dùng để cài vào 2 bên thành của giá xoong nồi bát đĩa tủ dưới
Đơn vị	Cái
Đơn giá (VNĐ) *(Giá chưa VAT)*	180.000

Kệ bát đĩa linh hoạt

*Bảo hành 24 tháng

Mã sản phẩm	GT02G
Quy cách (mm)	R(180-320)*C171
Mô tả sản phẩm	- Màu sắc: Xám - Dùng để đựng đĩa và đặt trong ngăn kéo tủ bếp.
Đơn vị	Cái
Đơn giá (VNĐ) *(Giá chưa VAT)*	980.000

Phụ kiện bắt mặt tùy chọn giá xoong nồi bát đĩa

*Bảo hành 24 tháng

Mã sản phẩm	GD04B	GD04SB
Quy cách (mm)	C210	C130
Mô tả sản phẩm	- Inox 304 mạ Chrome - Dùng để chuyển đổi giá xoong nồi bát đĩa cánh mở thành cánh kéo với chiều cao cánh tủ > 300mm	- Thép mạ Chrome - Dùng để chuyển đổi giá xoong nồi bát đĩa cánh mở thành cánh kéo với chiều cao cánh tủ ≤ 300mm
Đơn vị	Cặp	
Đơn giá (VNĐ) *(Giá chưa VAT)*	220.000	170.000

GIÁ ĐỂ CHẤT TẨY RỬA
Inox hộp, cánh mở, ray bắt hồi tủ
GU01.30

**Bảo hành 24 tháng*

GIÁ ĐỂ CHẤT TẨY RỬA
Nan tròn, bề mặt điện hóa, cánh mở
MU02.35

**Bảo hành rỉ rổ 25 năm*

GIÁ ĐỂ CHẤT TẨY RỬA
Khung thép mạ nano, bắt cánh tủ
MU05.40

**Bảo hành 24 tháng*

GU01.30

MU02.35

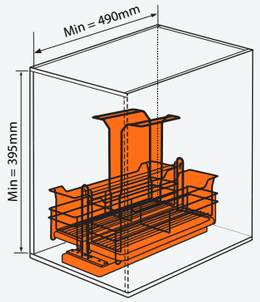

MU05.40

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao)mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Đơn vị	Lưu ý	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GU01.30	R220*S460*C450	300	Bộ	Chiều cao lọt lòng (LH): 465mm	2.330.000
MU02.35	R280*S470*C385	350	Bộ	Chiều cao lọt lòng (LH): 395mm	3.650.000
MU05.40	R370*S105*C530	≥ 430	Bộ	Đối với cánh tủ có chiều rộng ≤ 430mm thì lưu ý lắp lệch bản lề để tránh vướng sản phẩm	1.330.000

HỆ GÓC LIÊN HOÀN
Nan dẹt, inox 304, bề mặt điện hóa, khung mạ nano
MC02E.45L/R

**Bảo hành rỉ rổ 25 năm*

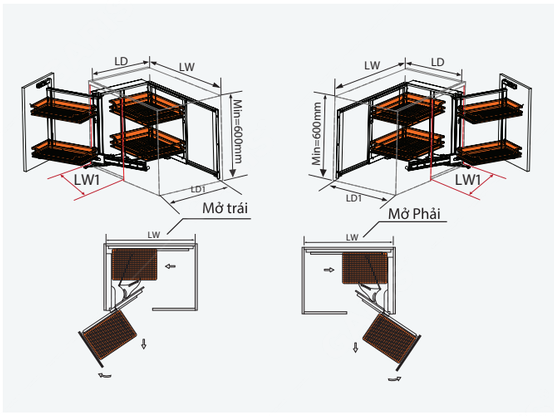

HỆ GÓC LIÊN HOÀN
Nan oval, thép, bề mặt phủ nano màu titan, 4 khay hứng nước, lắp được 2 chiều trái/phải
MC02N.45

**Bảo hành rỉ rổ 10 năm*

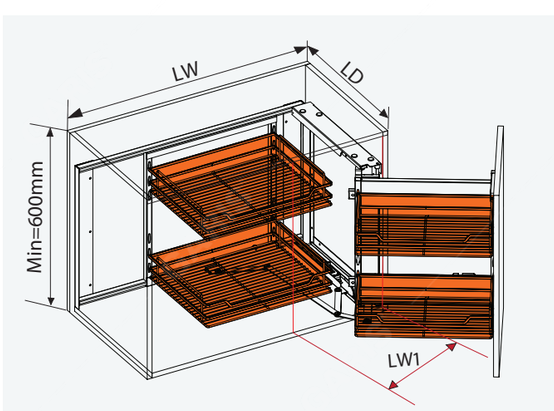

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước cánh tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá(VNĐ) Giá chưa VAT
MC02E.45L/R	R(850-1050)*S550*C560	450	Chiều rộng tủ (LW): 850 - 1050 Chiều sâu (LD) ≥ 550 Khoảng cách đến khung lớn (LD1): 510 - 520 Khoảng hở cánh (LW1) ≥ 350 **Lưu ý**: Để thuận tiện cho việc sử dụng, quý khách nên thiết kế khoảng hở cánh rộng từ 400mm trở lên	Bộ	11.990.000
MC02N.45	R(850-1050)*S550*C540	450	Chiều rộng tủ (LW): 850 - 1050 Chiều sâu (LD) ≥ 550 Khoảng hở cánh (LW1) ≥ 380 **Lưu ý**: Để thuận tiện cho việc sử dụng, quý khách nên thiết kế khoảng hở cánh rộng từ 400mm trở lên	Bộ	9.990.000

HỆ GÓC LIÊN HOÀN
Nan tạo hình dạng hộp, Inox, khung thép sơn tĩnh điện
GC01.45L/R

**Bảo hành 24 tháng*

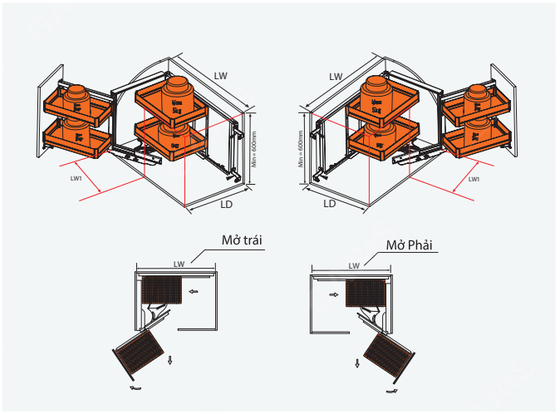

MÂM XOAY MỞ 3/4
Nan dẹt, thép, phủ nano 5 lớp
GS03.80N

MÂM XOAY HÌNH LÁ
Nan dẹt, thép, phủ nano 5 lớp
GS03N.90L/R

**Bảo hành rỉ rổ 10 năm*

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao)mm	Kích thước cánh tủ tiêu chuẩn (mm)	Góc mở	Đường kính (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GC01.45L/R	R(860-1060)* S510*C560	450			Chiều rộng tủ (LW) 860 - 1050 Chiều sâu (LD) ≥ 510 Khoảng hở cánh (LW1) ≥ 350 **Lưu ý:** Để thuận tiện cho việc sử dụng, quý khách nên thiết kế khoảng hở cánh rộng từ 400mm trở lên	Bộ	9.190.000
GS03.80N			3/4 (270°)	Ø710	Chiều rộng tủ (LW) ≥ 750 Khoảng hở cánh (LW1) ≥ 370 Chiều cao: 555 - 775	Bộ	3.350.000
GS03N.90L/R	R820*S460* C(640-800)		180°		Chiều rộng tủ (LW) ≥ 865 Khoảng hở cánh (LW1) ≥ 415 Chiều sâu (LD) ≥ 520 Chiều cao: 640 - 800	Bộ	7.290.000

MÂM XOAY GÓC MỞ 1/2
Nan dẹt, inox 304, xước mờ, có khay hứng nước
GS01.8E

**Bảo hành rỉ rổ 20 năm*

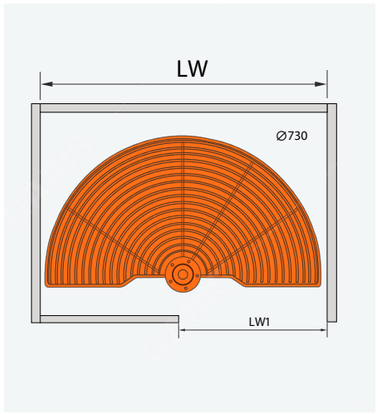

MÂM XOAY GÓC MỞ 1/2-3/4-4/4
Nan tròn, inox 304, bề mặt mạ chrome 5 lớp
GS01.80C/GS05.80C/GS07.70C

**Bảo hành rỉ rổ 20 năm*

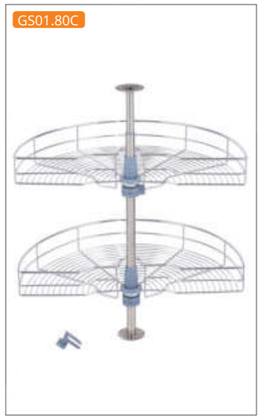

Mã sản phẩm	Đặc điểm	Góc mở	Đường kính (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GS01.8E	Nan dẹt điện hóa Có khay hứng nước	1/2 (180°)	Ø730	Chiều rộng tủ (LW) ≥ 750 Khoảng hở cánh (LW1) ≥ 370 Chiều cao: 602 - 775 **Lưu ý:** Để thuận tiện cho việc sử dụng, quý khách nên thiết kế khoảng hở cánh rộng từ 400mm trở lên	Bộ	3.590.000
GS01.80C	Nan tròn Mạ chrome Không khay hứng nước	1/2 (180°)	Ø730	Chiều rộng tủ (LW) ≥ 750 Khoảng hở cánh (LW1) ≥ 370 Chiều cao: 602 - 775	Bộ	2.990.000
GS05.80C		3/4 (270°)	Ø710	Chiều rộng tủ (LW) ≥ 750 Khoảng hở cánh (LW1) ≥ 370 Chiều cao: 602 - 775	Bộ	3.190.000
GS07.70C		4/4 (360°)	Ø600	Chiều rộng tủ (LW) ≥ 615 Chiều sâu tủ (LD) ≥ 615 Chiều cao: 602 - 775	Bộ	3.290.000

TỦ ĐỒ KHÔ RỔ NAN OVAL 6 TẦNG
Rổ inox 304 điện hóa bóng gương, cánh mở
MS6.45V

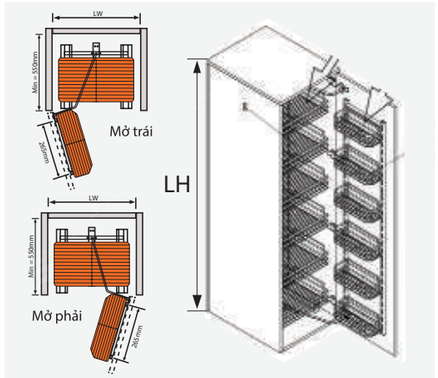

**Bảo hành rỉ rổ 25 năm*

TỦ ĐỒ KHÔ RỔ NAN OVAL 6 TẦNG
Rổ thép phủ nano, cánh mở
MS6.45N/MS6.60N

**Bảo hành rỉ rổ 10 năm*

TỦ ĐỒ KHÔ RỔ NAN DẸT 4/6 TẦNG
Rổ inox 304, mạ chrome, cánh mở
GS04.45C/GS06.45C

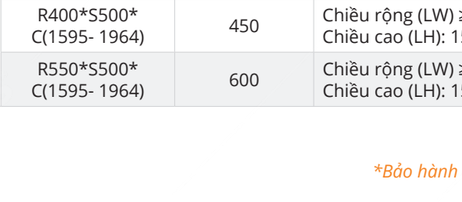

**Bảo hành rỉ rổ 20 năm*

TỦ ĐỒ KHÔ RỔ NAN DẸT 6 TẦNG
Rổ inox 304, xước mờ, cánh mở
GS6.45E/GS6.60E

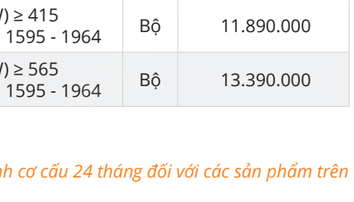

**Bảo hành rỉ rổ 15 năm*

Mã sản phẩm	Số tầng	Chất liệu, bề mặt	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước phủ bì tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
MS6.45V	6	Nan oval, inox 304, Điện hóa bóng gương	R400*S500* C(1595- 1964)	450	Chiều rộng (LW) ≥ 415 Chiều cao (LH): 1595 - 1964	Bộ	13.990.000
MS6.45N	6	Nan oval, thép phủ nano màu titan	R400*S500* C(1595- 1964)	450	Chiều rộng (LW) ≥ 415 Chiều cao (LH): 1595 - 1964	Bộ	9.990.000
MS6.60N	6		R550*S500* C(1595- 1964)	600	Chiều rộng (LW) ≥ 565 Chiều cao (LH): 1595 - 1964	Bộ	10.990.000
GS04.45C	4	Nan dẹt, inox 304, mạ chrome	R400*S500* C(1180- 1564)	450	Chiều rộng (LW) ≥ 415 Chiều cao (LH): 1180 - 1564	Bộ	9.990.000
GS06.45C	6		R400*S500* C(1595- 1964)	450	Chiều rộng (LW) ≥ 415 Chiều cao (LH): 1595 - 1964	Bộ	12.890.000
GS6.45E	6	Nan dẹt, inox 304, điện hóa xước mờ	R400*S500* C(1595- 1964)	450	Chiều rộng (LW) ≥ 415 Chiều cao (LH): 1595 - 1964	Bộ	11.890.000
GS6.60E	6		R550*S500* C(1595- 1964)	600	Chiều rộng (LW) ≥ 565 Chiều cao (LH): 1595 - 1964	Bộ	13.390.000

**Bảo hành cơ cấu 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

TỦ ĐỒ KHÔ 6 TẦNG, KHAY NHÔM VÁCH KÍNH
Nhôm, kính, màu sáng hoặc tối, cánh mở
GS6.45A/GS6.60A - GS6.45D/GS6.60D

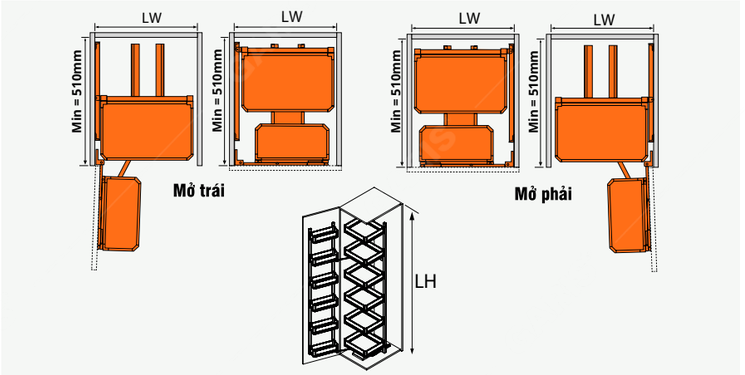

**Bảo hành rỉ khay 20 năm*

TỦ ĐỒ KHÔ 6 TẦNG, KHAY NHÔM, CÁNH RÚT
Nhôm, phủ Flourocarbon, màu xám bạc
MS6.40GA

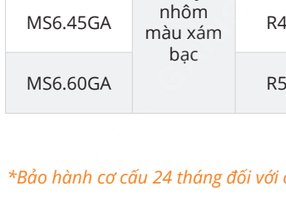

**Bảo hành rỉ khay 20 năm*

TỦ ĐỒ KHÔ 6 TẦNG, KHAY NHÔM
Nhôm, phủ Flourocarbon, màu xám bạc, cánh mở
MS6.45GA/ MS6.60GA

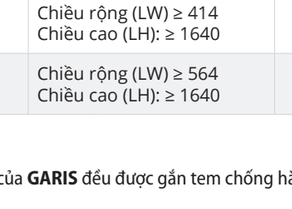

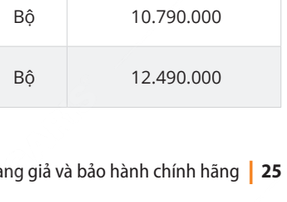

**Bảo hành rỉ khay 20 năm*

Mã sản phẩm	Màu sắc rổ	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước phủ bì tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GS6.45A	Viền nhôm bóng, kính trắng	R400*S495*C1750	450	Chiều rộng (LW) ≥ 414 Chiều cao (LH) ≥ 1760	Bộ	9.390.000
GS6.60A		R550*S495*C1750	600	Chiều rộng (LW) ≥ 564 Chiều cao (LH) ≥ 1760	Bộ	10.390.000
GS6.45D	Viền nhôm màu titan, kính tối màu	R400*S495*C1750	450	Chiều rộng (LW) ≥ 414 Chiều cao (LH) ≥ 1760	Bộ	8.990.000
GS6.60D		R550*S495*C1750	600	Chiều rộng (LW) ≥ 564 Chiều cao (LH) ≥ 1760	Bộ	9.990.000
MS6.40GA	Khay nhôm màu xám bạc	R350*S500*C(1660-2060)	400	Chiều rộng (LW) ≥ 364 Chiều cao (LH) ≥ (1660-2060)	Bộ	12.750.000
MS6.45GA		R408*S500*C1625	450	Chiều rộng (LW) ≥ 414 Chiều cao (LH): ≥ 1640	Bộ	10.790.000
MS6.60GA		R558*S500*C1625	600	Chiều rộng (LW) ≥ 564 Chiều cao (LH): ≥ 1640	Bộ	12.490.000

**Bảo hành cơ cấu 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

TỦ ĐỒ KHÔ KHAY INOX HỘP 6 TẦNG **GS06.60**
Inox, nan tạo hình dạng hộp, khung thép sơn tĩnh điện

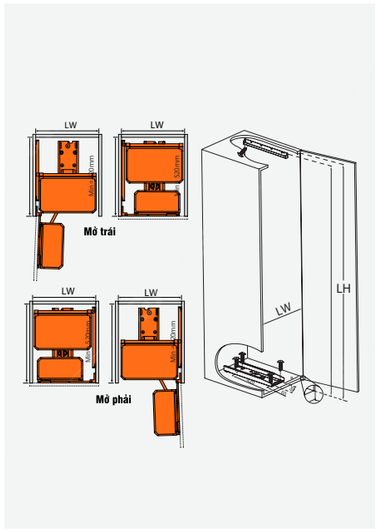

TỦ ĐỒ KHÔ KHAY INOX HỘP 2 TẦNG **GS02.60**
Nan tạo hình dạng hộp, Inox, khung thép sơn tĩnh điện

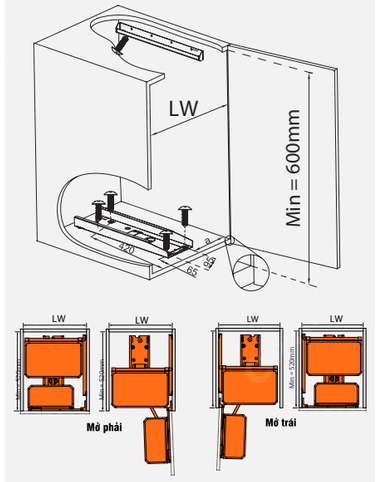

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước phủ bì tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GS06.60	R555*S510*C1780	600	Chiều rộng (LW) ≥ 565 Chiều cao (LH) ≥ 1780	Bộ	11.690.000
GS02.60	R555*S510*C600	600	Chiều rộng (LW) ≥ 565 Chiều cao (LH) ≥ 600	Bộ	5.490.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

THÙNG GẠO 01 KHOANG ĐIỆN TỬ **MR06E**
15 kg, mặt trước viền nhôm, khay lấy gạo bo tròn

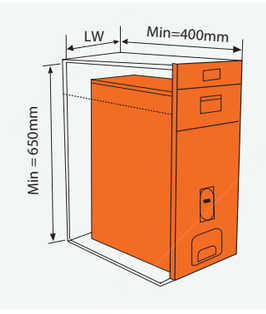

THÙNG GẠO 01 KHOANG **MR06**
15 kg, mặt trước viền nhôm, khay lấy gạo bo tròn

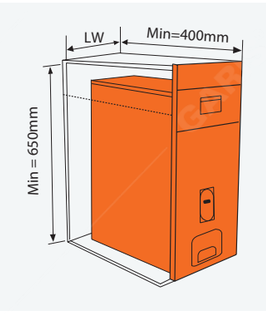

THÙNG GẠO 02 KHOANG **MR07**
20 kg, mặt trước viền nhôm

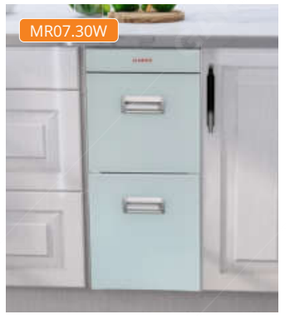

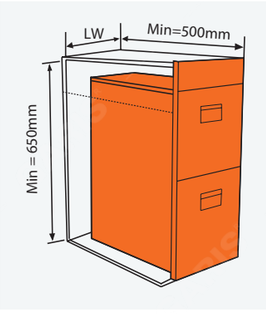

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao)mm	Màu sắc	Kích thước lọt lòng tủ (mm)	Kích thước mặt phủ cánh (mm)	Đơn vị	Đơn giá(VNĐ) Giá chưa VAT
MR06.30BE	R300*S400*C650	Kính đen	265	R300*C650	Chiếc	3.390.000
MR06.30ME	R300*S400*C650	Gương	265	R300*C650	Chiếc	3.290.000
MR06.30M	R300*S400*C650	Gương	265	R300*C650	Chiếc	3.090.000
MR06.30B	R300*S400*C650	Kính đen	265	R300*C650	Chiếc	3.250.000
MR06.30W	R300*S400*C650	Kính trắng xanh	265	R300*C650	Chiếc	3.190.000
MR07.30M	R300*S480*C650	Gương	265	R300*C650	Chiếc	3.890.000
MR07.30B	R300*S480*C650	Kính đen	265	R300*C650	Chiếc	4.090.000
MR07.30W	R300*S480*C650	Kính trắng xanh	265	R300*C650	Chiếc	3.990.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

THÙNG GẠO 01 KHOANG **GR06**
15 kg, mặt trước viền thép, khay lấy gạo hình chữ nhật

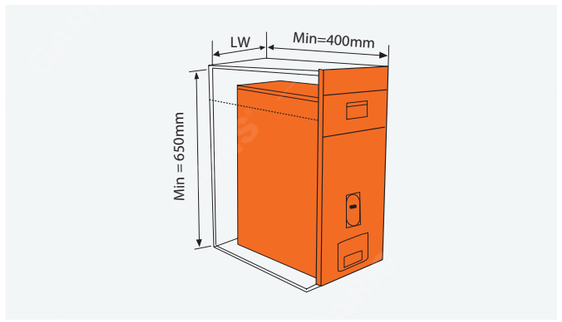

THÙNG GẠO NHỰA ABS CAO CẤP **GR01.20**
1 khoang, 15kg, cánh kéo, KT mặt cánh 200mm

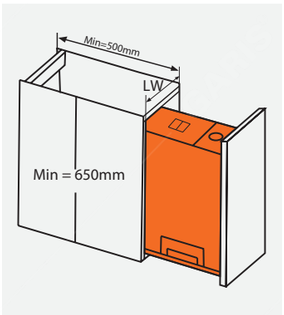

THÙNG GẠO NHỰA ABS CAO CẤP **GR02.25**
1 khoang, 15kg, cánh mở, KT mặt cánh 250mm

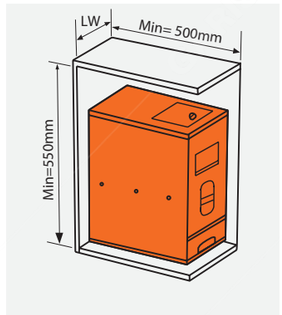

THÙNG GẠO NHỰA ABS CAO CẤP **GR03.30**
1 khoang, 15kg, cánh mở, KT mặt cánh 300mm

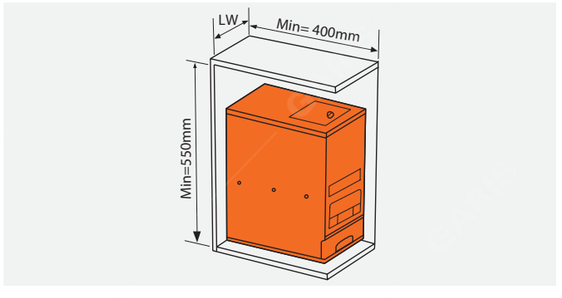

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao)mm	Màu sắc	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá(VNĐ) Giá chưa VAT
GR06.30M	R300*S400*C650	Gương	300	R265*C650	Chiếc	2.050.000
GR06.30B	R300*S400*C650	Kính đen	300	R265*C650	Chiếc	2.100.000
GR06.25B	R250*S400*C650	Kính đen	250	R214*C650	Chiếc	2.050.000
GR01.20	R165*S460*C560	Trắng	200	165 -265	Chiếc	2.690.000
GR02.25	R190*S420*C485	Trắng	250	214 - 264	Chiếc	2.490.000
GR03.30	R264*S375*C485	Xanh	300	≥ 265 (Chưa bao gồm chiều dày bản lề)	Chiếc	2.190.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

THÙNG GẠO NHỰA ABS CAO CẤP **GR05.30**
1 khoang, 10kg, cánh kéo/mở, KT mặt cánh 300mm

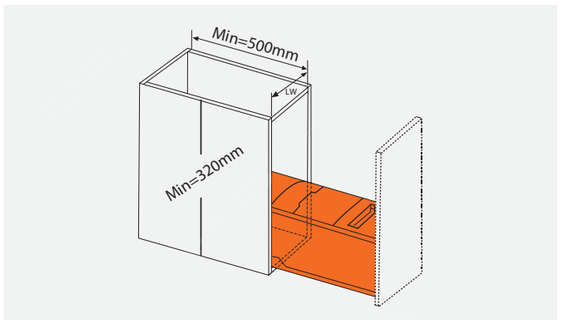

THÙNG GẠO NHỰA ABS CAO CẤP **GR08.30**
1 khoang, 25kg, cánh kéo, KT mặt cánh 300mm

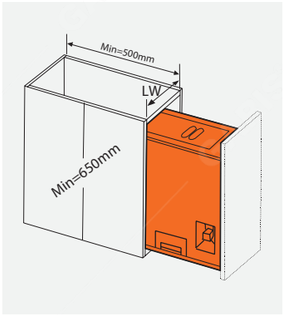

THÙNG GẠO NHỰA ABS CAO CẤP **GR04.30**
1 khoang, 10kg, cánh kéo , KT mặt cánh 300mm

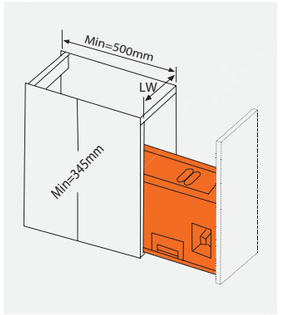

THÙNG GẠO NHỰA ABS CAO CẤP **GR09.45**
3 khoang, 30kg, cánh mở, KT mặt cánh 450mm

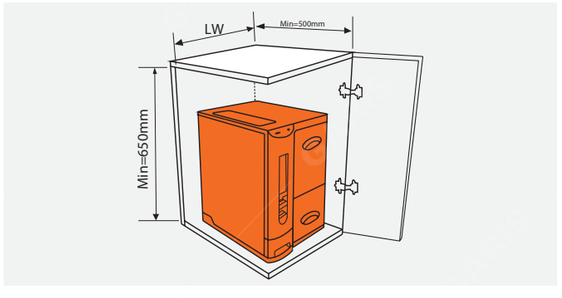

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao)mm	Màu sắc	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá(VNĐ) Giá chưa VAT
GR05.30	R265*S490*C240	Trắng	300	≥ 264	Chiếc	2.770.000
GR08.30	R265*S490*C505	Trắng	300	≥ 264	Chiếc	3.990.000
GR04.30	R265*S490*C330	Trắng	300	≥ 264	Chiếc	3.750.000
GR09.45	R400*S490*C545	Trắng	450	≥ 415	Chiếc	6.330.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

THÙNG RÁC
Waste bin

THÙNG RÁC ĐÔI 30L
Màu ghi xám/trắng, cánh kéo, KT mặt cánh ≥ 300mm
GW06.30G/GW06.30W

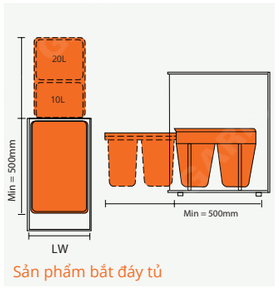

Sản phẩm bắt đáy tủ

THÙNG RÁC MINI TREO CÁNH 3L
Màu ghi xám, nắp màu cam
GW04.245

THÙNG RÁC ĐÔI 36L
Màu ghi xám, cánh kéo, KT mặt cánh 400mm
GW07.40

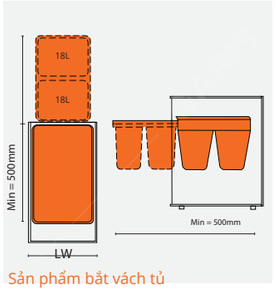

Sản phẩm bắt vách tủ

THÙNG RÁC ĐƠN 10L/7L
Vỏ inox, nắp màu ghi trắng/đen, cánh mở, KT mặt cánh ≥ 350mm
GW05.10/GW05.07

***Ghi chú:** *Chiều cao nắp khi mở 390mm*

***Ghi chú:** Chiều cao nắp khi mở 350mm*

THÙNG RÁC ĐÔI 14L
Màu xám, cánh mở, KT mặt cánh ≥ 400mm
GW03.14

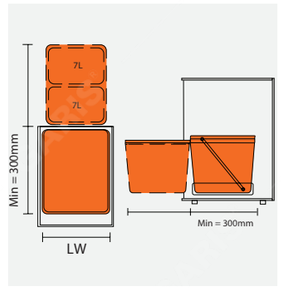

THÙNG RÁC ĐƠN 16L
Màu xám, cánh mở, KT mặt cánh ≥ 400mm
GW03.16

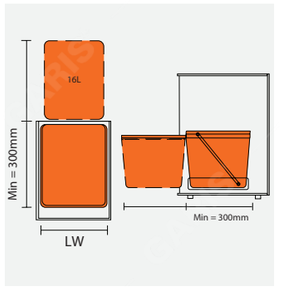

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao)mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng lọt lòng tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GW06.30G	R262*S500*C420	≥ 300	265 - 365	Chiếc	3.190.000
GW06.30W					3.190.000
GW04.245	R245*S182*C170	Cánh ≥ 200		Chiếc	490.000
GW07.40	R(362-368)*S500*C506	400	363 - 368	Chiếc	4.990.000
GW05.10	R270*S270*C390	≥ 350	LW ≥ 355	Chiếc	1.300.000
GW05.07	R260*S260*C350	≥ 350	LW ≥ 355	Chiếc	1.200.000
GW03.14	R390*S300*C355	≥ 400	LW ≥ 390	Chiếc	2.600.000
GW03.16	R390*S300*C355	≥ 400	LW ≥ 390	Chiếc	2.450.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

KHAY CHIA TRONG NGĂN KÉO
Cutlery tray

KHAY CHIA NGĂN KÉO NHỰA CAO CẤP
GT03

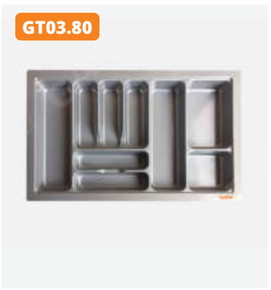

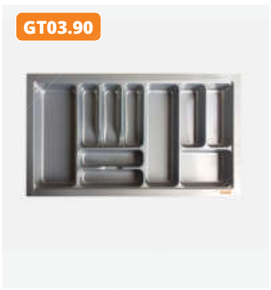

KHAY CHIA NGĂN KÉO INOX CAO CẤP
GT01

Mã sản phẩm	Quy cách sản phẩm (Rộng*Sâu*Cao)mm	Kích thước ngăn kéo tiêu chuẩn (mm)	Mô tả sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GT03.60	R530*S485*C55	600	- Màu sắc: Xám - Dùng đặt trong ngăn kéo tủ bếp, để dao, thìa, dĩa và dụng cụ nhà bếp - Chất liệu: Nhựa ABS cao cấp	Cái	720.000
GT03.70	R630*S485*C55	700		Cái	780.000
GT03.80	R730*S485*C55	800		Cái	840.000
GT03.90	R830*S485*C55	900		Cái	900.000
GT01.2	R200*S473*C70		- Khay chia inox 4 ngăn đựng dao, thìa, dĩa đặt trong ngăn kéo - Chất liệu: Inox 304	Bộ	1.690.000
GT01.3	R280*S473*C70		- Khay chia inox 6 ngăn đựng dao, thìa, dĩa đặt trong ngăn kéo - Chất liệu: Inox 304	Bộ	2.490.000
GT01.4	R377*S473*C70		- Khay chia inox 8 ngăn đựng dao, thìa, dĩa đặt trong ngăn kéo - Chất liệu: Inox 304	Bộ	2.990.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

HỆ GIÁ TREO
Multi-function rack

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Quy cách (Rộng*sâu*cao)mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)* Giá chưa VAT
	GI05.1	Thanh treo Inox	Ø19	Met	110.000
	GI05.2	Bas suốt 2 đầu	R25*S45*C25	Cặp	160.000
	GI05.3	Bas suốt giữa	R25*S45*C25	Cái	110.000
	GI04.1	Giá treo vung	R210*S110*C370		420.000
	GI04.2	Giá treo gia vị và cuộn giấy	R395*S210*C330		990.000
	GI04.3	Giá để gia vị 2 tầng	R320*S200*C335		1.090.000
	GI04.4	Móc treo dụng cụ nấu	R6*S60*C65		50.000
	GI04.5	Giá treo dao thớt Inox	R250*S150*C390		990.000
	GI04.6	Giá treo ly đôi	R220*S350*C75		480.000
	GI04.7	Giá treo ly	R320*S175*C110		390.000
	GI04.8	Giá để cuộn giấy	R330*S135*C365		1.470.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

HỆ GIÁ TREO
Multi-function rack

GARIS® Live Different

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Quy cách (Rộng*sâu*cao)mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)* Giá chưa VAT
	GI01.8.60	Thanh treo	Dài 600*Cao 40 C = 360	Thanh	460.000
	GI01.8.90		Dài 900*Cao 40 C = 660		600.000
	GI01.8.120		Dài 1200*Cao 40 C = 960		770.000
	GI01.1	Giá để dao và dụng cụ nấu	R333*S115*C200	Cái	1.040.000
	GI01.2	Giá để gia vị hai tầng	R335*S115*C300		1.320.000
	GI01.3	Giá để gia vị có thanh chắn	R333*S115*C200		980.000
	GI01.4	Giá để gia vị	R333*S115*C200		830.000
	GI01.5	Móc treo dụng cụ nấu	R166*S45*C70		430.000
	GI01.6	Giá để dụng cụ nấu	R110*S115*C300		730.000
	GI01.7	Giá cài nắp vung	R166*S115*C200		600.000
	MI02	Giá treo để gia vị, dao thớt, dụng cụ nấu ăn	R760*S290*C360	Bộ	2.490.000

(C là khoảng cách giữa 2 lỗ bắt vít)

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

CHẬU RỬA 2 HỐ LỆCH CÓ MÁY RỬA CỐC, CHÉN **MS22.96**
Inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ, 4 lớp lọc rác, nút nhấn siphon vặn xả trên thành chậu

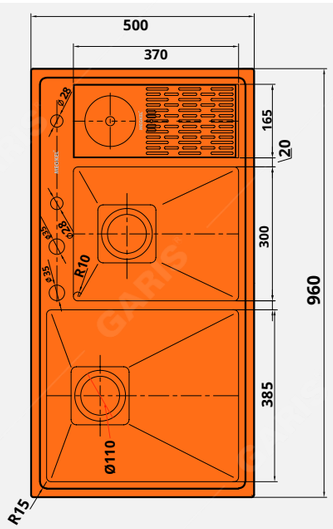

CHẬU RỬA 1 HỐ TO CÓ MÁY RỬA CỐC, CHÉN **MS11.82**
Inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ, 4 lớp lọc rác, nút nhấn siphon vặn xả trên thành chậu

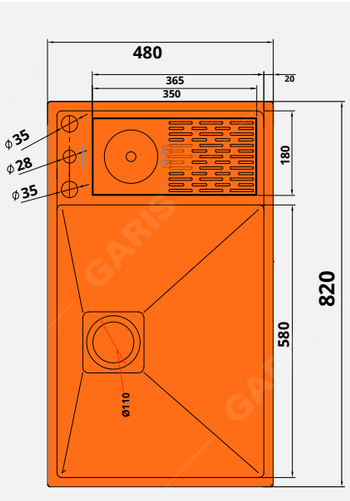

Mã sản phẩm	Số lượng hố	Kích thước chậu (Dài*Rộng*Sâu) mm	Kích thước từng hố	Loại chậu	Độ dày (mm)	Kích thước cắt đá (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
MS22.96	2	D960*R500*S230	385*430 300*370	dương bàn đá hoặc bán âm	Thành chậu = 1.2 Viền mép = 3.0	930*470	Bộ	14.990.000
MS11.82	1	D820*R480*S230	580*440		Thành chậu = 1.2 Viền mép = 3.0	790*450	Bộ	11.790.000

Kèm theo: Bộ siphon để trong túi vải, rổ ráo nước thép phủ nano, máy rửa cốc, chén (không dùng điện/pin)

**Bảo hành rỉ chậu 10 năm, linh kiện 2 năm*

CHẬU RỬA 2 HỐ LỆCH THOÁT VUÔNG **GS22.82**
Inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ

CHẬU RỬA 2 HỐ CÂN **GS23.82**
Inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ

CHẬU RỬA 2 HỐ LỆCH THOÁT TRÒN **GS21.82**
Inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ

CHẬU RỬA 2 HỐ CÂN ÂM BÀN ĐÁ **GS21.81D**
Inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ

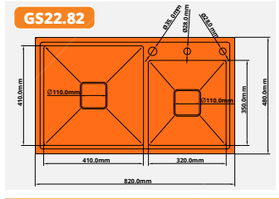

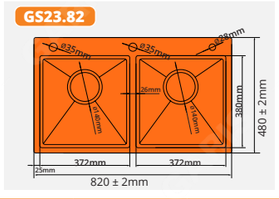

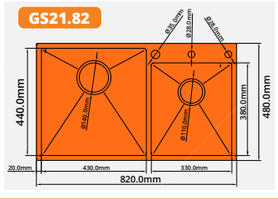

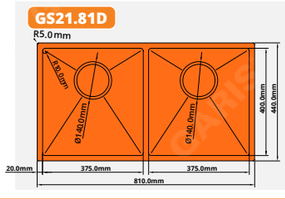

Mã sản phẩm	Số lượng hố	Kích thước chậu (Dài*Rộng*Sâu) mm	Kích thước từng hố	Loại chậu	Độ dày (mm)	Kích thước cắt đá (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GS22.82	2	D820*R480*S230	410*410 320*350	dương bàn đá hoặc bán âm	Thành chậu = 1.2 Viền mép = 3.0	790*450	Bộ	8.650.000
GS23.82		D820*R480*S230	372*380 372*380			790*450	Bộ	7.790.000
GS21.82		D820*R480*S230	430*440 330*380			790*450	Bộ	6.990.000
GS21.81D		D810*R440*S220	375*400 375*400	âm bàn đá		770*400	Bộ	7.990.000

Kèm theo: Bộ siphon để trong túi vải, rổ ráo nước inox 304

**Bảo hành rỉ chậu 10 năm, linh kiện 2 năm*

CHẬU RỬA 1 HỐ TO TÍCH HỢP HỐ PHỤ RỜI
Inox 304, bề mặt phủ nano màu titan
GS11.75

CHẬU RỬA 1 HỐ TO PHỦ NANO MÀU TITAN
Inox 304, bề mặt phủ nano màu titan
GS11.78

CHẬU RỬA 1 HỐ NHỎ
Inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ
GS11.58

CHẬU RỬA 1 HỐ TO KIỂU NHẬT
Inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ
GS11.80

CHẬU RỬA 1 HỐ TO KIỂU NHẬT
Inox 304, bề mặt điện hóa xước mờ
GS15.80

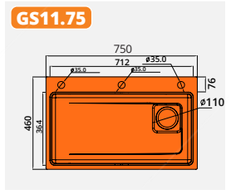

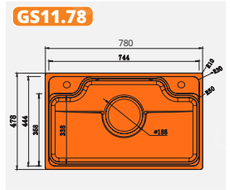

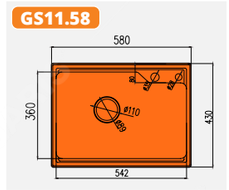

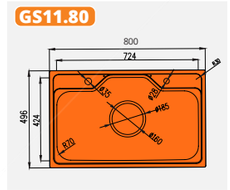

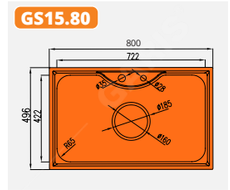

Mã sản phẩm	Số lượng hố	Kích thước chậu (Dài*Rộng*Sâu) mm	Kích thước từng hố	Loại chậu	Độ dày (mm)	Kích thước cắt đá (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GS11.75	1	D750*R460*S220	712*364	dương bàn đá hoặc bán âm	1.2	720*430	Bộ	6.490.000
GS11.78	1	D780*R480*S230	744*444	dương bàn đá		750*450	Bộ	6.990.000
GS11.58	1	D580*R430*S210	542*360			560*400	Bộ	3.550.000
GS11.80	1	D800*R500*S230	724*424			770*470	Bộ	5.490.000
GS15.80	1	D800*R500*S230	722*422			770*470	Bộ	5.390.000

Kèm theo: Bộ siphon để trong túi vải, rổ ráo nước inox 304 (GS11.80/GS15.80/GS11.58), hố phụ rời phủ nano (GS11.75/GS11.78)

**Bảo hành rỉ chậu 10 năm, linh kiện 2 năm*

VÒI RỬA CẢM ỨNG ĐIỆN TỬ **MF01M**, không dùng điện

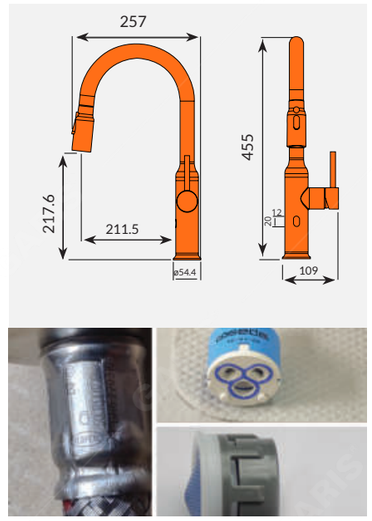

VÒI RỬA CAO CẤP **MF03P**

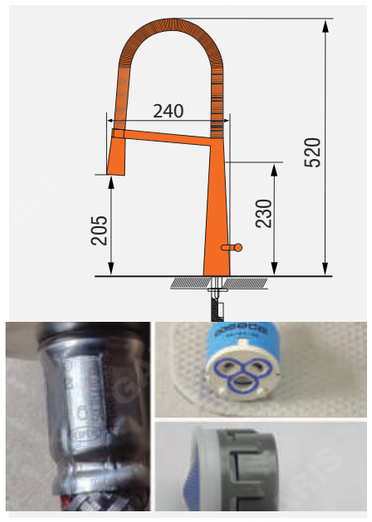

Mã sản phẩm	Quy cách (Sâu*Cao) mm	Chất liệu	Bề mặt	Dây cấp	Đầu vòi	Lõi trộn nóng lạnh	Phân loại vòi	Cấp nước	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
MF01M	S257*C455	Inox 304	Đánh bóng	Neoperl Thụy Sỹ	Neoperl Thụy Sỹ	SEDAL Tây Ban Nha	Có dây rút, điều khiển cảm ứng	Nóng + Lạnh	Bộ	7.590.000
MF03P	S240*C520	Đồng	Mạ PVD bóng mờ				Không dây rút		Bộ	7.790.000

**Bảo hành rỉ vòi 10 năm, linh kiện/cơ cấu hoạt động 5 năm*

VÒI RỬA CAO CẤP **MF02M**

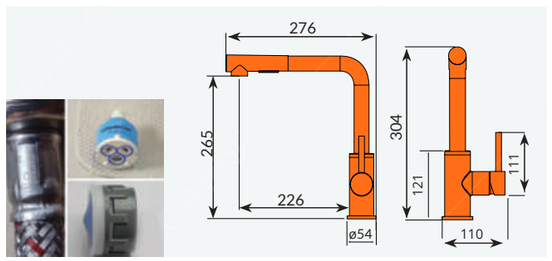

VÒI RỬA CAO CẤP **MF05M**

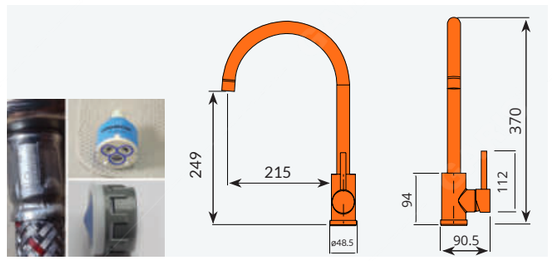

VÒI RỬA CAO CẤP **MF05E**

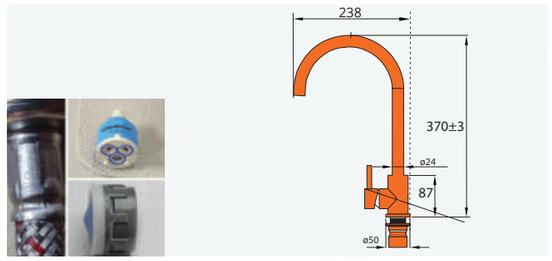

VÒI RỬA CAO CẤP **MF06M**

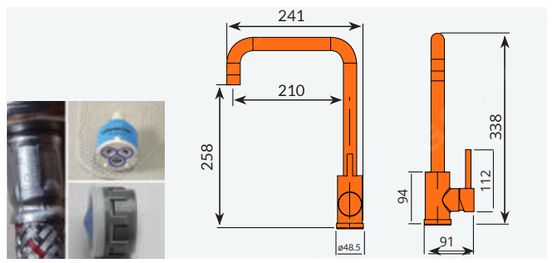

Mã sản phẩm	Quy cách (Sâu*Cao) mm	Chất liệu	Bề mặt	Dây cấp	Đầu vòi	Lõi trộn nóng lạnh	Phân loại vòi	Cấp nước	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
MF02M	S276*C304	Inox 304	Đánh bóng	Neoperl Thụy Sỹ	Neoperl Thụy Sỹ	SEDAL Tây Ban Nha	Có dây rút	Nóng + Lạnh	Bộ	3.990.000
MF05M	S250*C370						Không dây rút		Bộ	2.190.000
MF05E	S238*C370		Xước mờ						Bộ	1.770.000
MF06M	S241*C338		Đánh bóng						Bộ	2.290.000

**Bảo hành rỉ vòi 10 năm, linh kiện/cơ cấu hoạt động 5 năm*

VÒI RỬA CAO CẤP **MF11C**

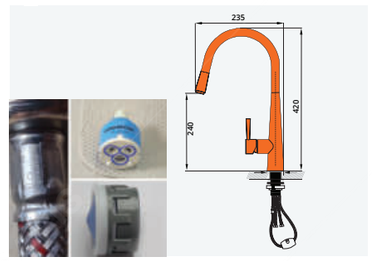

VÒI RỬA CAO CẤP **MF12P**

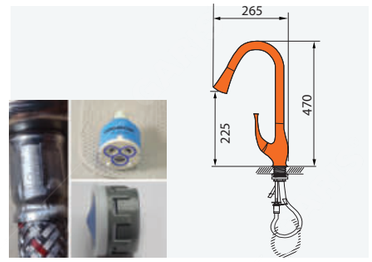

VÒI RỬA CAO CẤP CỔ THẤP **MF07M**

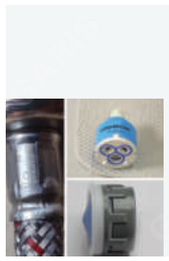

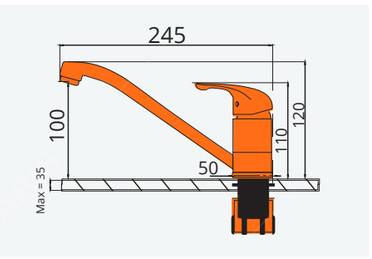

VÒI RỬA CAO CẤP CỔ THẤP **MF08M**

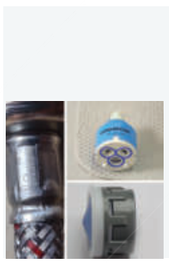

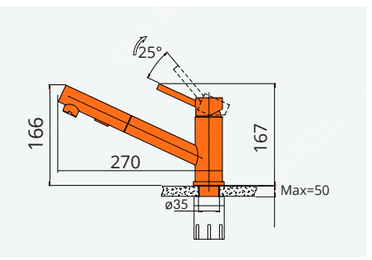

Mã sản phẩm	Quy cách (Sâu*Cao) mm	Chất liệu	Bề mặt	Dây cấp	Đầu vòi	Lõi trộn nóng lạnh	Phân loại vòi	Cấp nước	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
MF11C	S235*C420	Đồng	Mạ chrome bóng	Neoperl Thụy Sỹ	Neoperl Thụy Sỹ	SEDAL Tây Ban Nha	Có dây rút	Nóng + Lạnh	Bộ	5.190.000
MF12P	S265*C470		Mạ PVD bóng mờ						Bộ	6.400.000
MF07M	S245*C120	Inox 304	Đánh bóng				Không dây rút		Bộ	2.990.000
MF08M	S270*C167						Có dây rút		Bộ	3.990.000

**Bảo hành rỉ vòi 10 năm, linh kiện/cơ cấu hoạt động 5 năm*

VÒI RỬA CAO CẤP **MF04E**

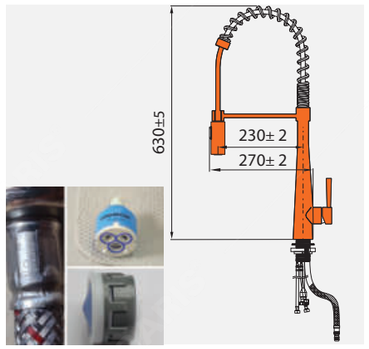

VÒI RỬA CAO CẤP **MF16R/MF16E**

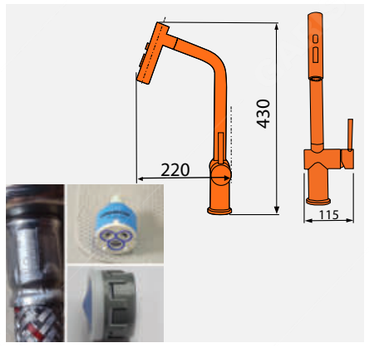

VÒI RỬA CAO CẤP **MF17E**

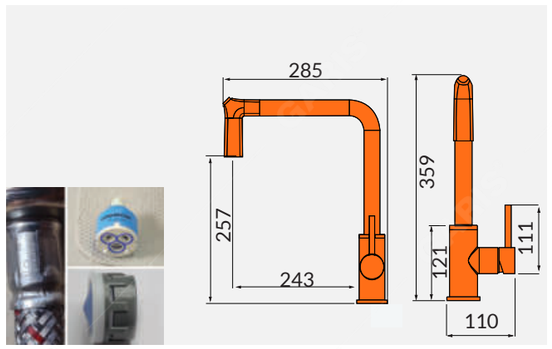

Mã sản phẩm	Quy cách (Sâu*Cao) mm	Chất liệu	Bề mặt	Dây cấp	Đầu vòi	Lõi trộn nóng lạnh	Phân loại vòi	Cấp nước	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
MF04E	S270*C630	Inox 304	Xước mờ	Neoperl Thụy Sỹ	Neoperl Thụy Sỹ	SEDAL Tây Ban Nha	Có dây rút	Nóng + Lạnh	Bộ	5.550.000
MF16R	S220*C430	Đồng	Mạ PVD vàng hồng + đen nhám						Bộ	4.990.000
MF16E	S220*C430	Inox 304	Xước mờ						Bộ	4.400.000
MF17E	S285*C359								Bộ	3.590.000

*Bảo hành rỉ vòi 10 năm, linh kiện/cơ cấu hoạt động 5 năm

NGĂN KÉO ĐỂ ĐỒ GẬP **GW02E**, KHUNG NHÔM, BỌC DA

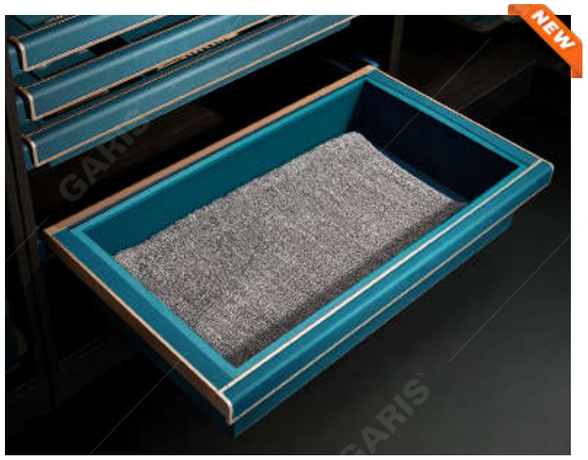

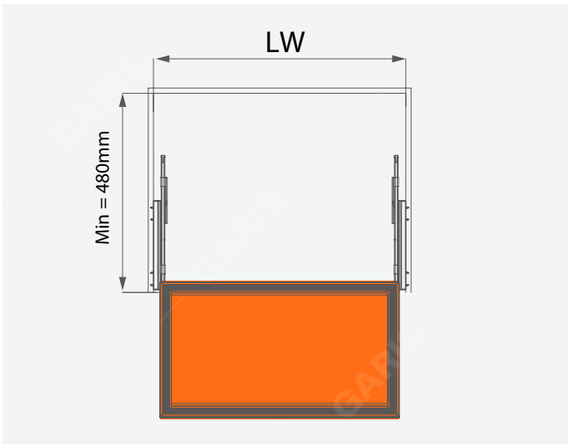

GIÁ TREO QUẦN ÂU **GW04E**, KHUNG NHÔM, BỌC DA

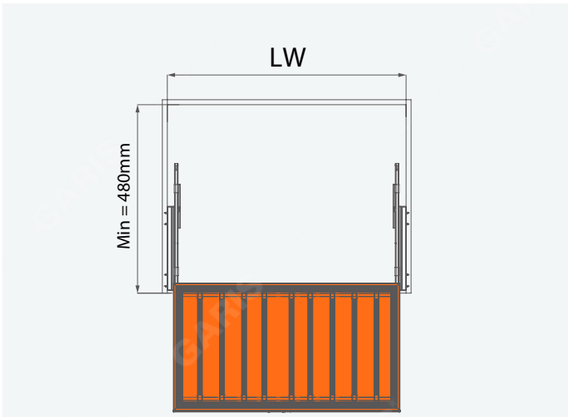

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng lọt lòng khoang tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GW02.6E	R564*S450*C200	600	564	Bộ	4.590.000
GW02.7E	R664*S450*C200	700	664	Bộ	4.690.000
GW02.8E	R764*S450*C200	800	764	Bộ	4.890.000
GW02.9E	R864*S450*C200	900	864	Bộ	5.190.000
GW04.6E	R564*S450*C60	600	564	Bộ	2.790.000
GW04.7E	R664*S450*C60	700	664	Bộ	2.890.000
GW04.8E	R764*S450*C60	800	764	Bộ	3.090.000
GW04.9E	R864*S450*C60	900	864	Bộ	3.290.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

NGĂN KÉO ĐỰNG ĐỒ TRANG SỨC **GW07E**, KHUNG NHÔM, BỌC DA

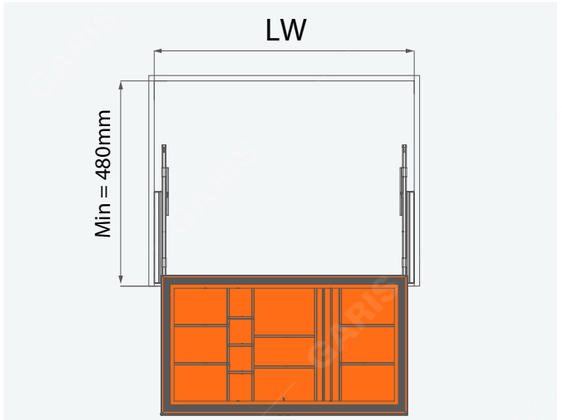

NGĂN KÉO CHIA Ô ĐỂ ĐỒ LÓT **GW08E**, KHUNG NHÔM, BỌC DA

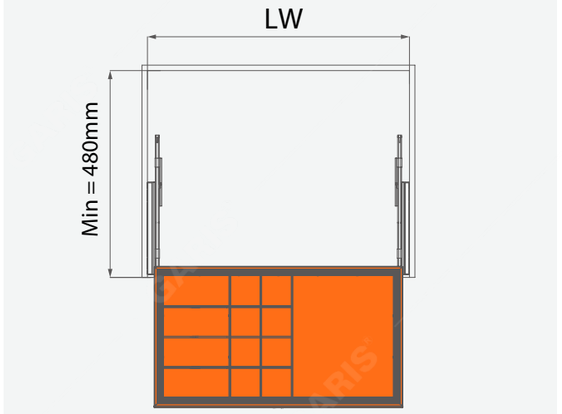

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng lọt lòng khoang tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GW07.6E	R564*S450*C60	600	564	Bộ	3.990.000
GW07.7E	R664*S450*C60	700	664	Bộ	4.390.000
GW07.8E	R764*S450*C60	800	764	Bộ	4.590.000
GW07.9E	R864*S450*C60	900	864	Bộ	4.890.000
GW08.6E	R564*S450*C105	600	564	Bộ	4.690.000
GW08.7E	R664*S450*C105	700	664	Bộ	4.990.000
GW08.8E	R764*S450*C105	800	764	Bộ	5.190.000
GW08.9E	R864*S450*C105	900	864	Bộ	5.390.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

PHỤ KIỆN TỦ QUẦN ÁO MÀU XANH LỤC BẢO - EMERALD SERIES
Wardrobe accessories with Emerald color - Emerald series
GARIS® Live Different

GIÁ XOAY **GW33E**, TREO GÓC TỦ QUẦN ÁO, 3 TẦNG

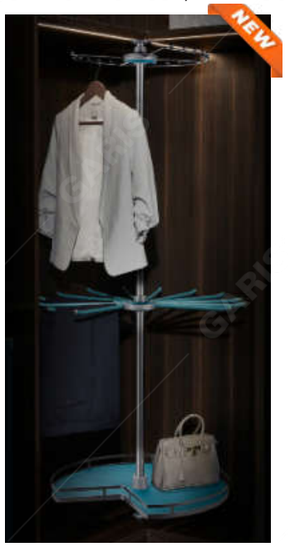

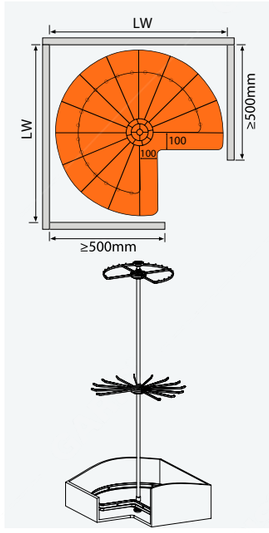

GIÁ XOAY **GW32E**, TREO TRẦN GÓC TỦ QUẦN ÁO, 1 TẦNG

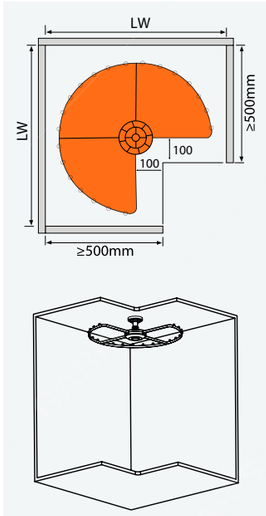

GIÁ XOAY **GW42E**, TREO TRẦN GÓC TỦ QUẦN ÁO, 1 TẦNG

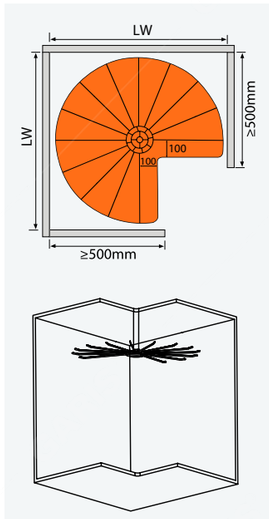

GIÁ ĐỂ GIÀY **GW44E,** XOAY 360 °, KHAY BỌC DA, 12 TẦNG

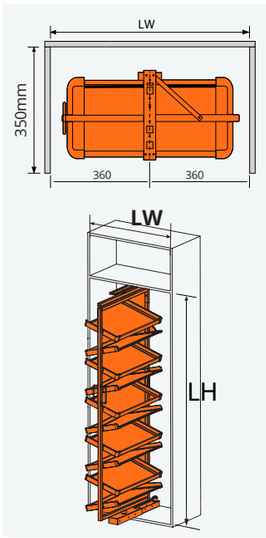

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng lọt lòng khoang tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GW32E	Φ510*138	800	LW ≥ 764	Bộ	1.390.000
GW33E	Φ710*H1900-2100mm	800	Chiều rộng lọt lòng (LW) ≥ 764 Chiều cao lọt lòng (LH): 1900 - 2100	Bộ	5.990.000
GW42E	Φ720*138	800	LW ≥ 764	Bộ	1.990.000
GW44E	R620*S300*C(1904-2104)	≥ 760	Chiều rộng lọt lòng (LW): ≥ 720 Chiều cao lọt lòng (LH) ≥ 1904 - 2104	Bộ	11.990.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

GIÁ TREO QUẦN ÂU ĐÔI **GW35E**

GIÁ TREO MẮC ÁO 7 NÚT **GW36E**

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ LW(mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GW35E	R635*S460*C95	700	≥ 665	Bộ	2.590.000
GW36E	R110*S470*C120	456	≥ 420	Bộ	1.590.000

GIÁ TREO QUẦN ÂU ĐƠN LỆCH **GW37E**

GIÁ TREO QUẦN ÂU ĐƠN CÂN **GW38E**

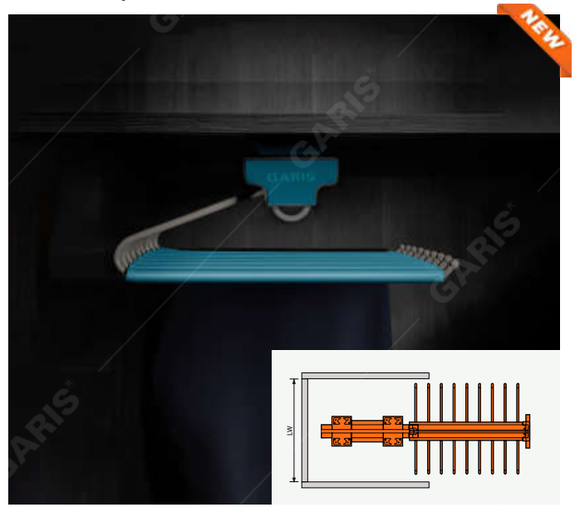

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng tủ LW(mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GW37E	R380*S475*C120	430	≥ 394	Bộ	1.690.000
GW38E	R330*S470*C150	400	≥ 365	Bộ	2.090.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

NGĂN KÉO ĐỰNG ĐỒ TRANG SỨC **GW07R**, KHUNG NHÔM, BỌC DA

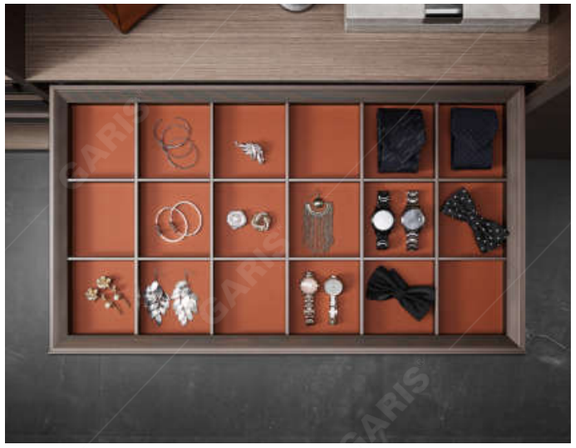

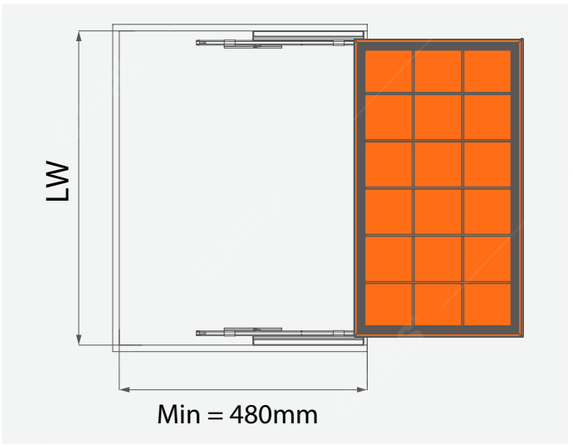

NGĂN KÉO CHIA Ô ĐỂ ĐỒ LÓT **GW08R**, KHUNG NHÔM, BỌC DA

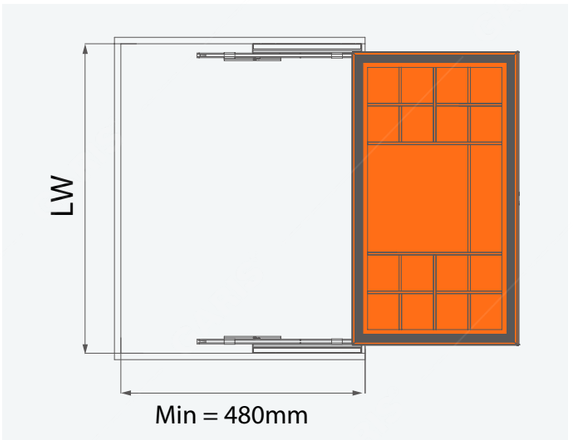

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng lọt lòng khoang tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GW07.6R	R564*S469*C65	600	564	Bộ	3.390.000
GW07.7R	R664*S469*C65	700	664	Bộ	3.550.000
GW07.8R	R764*S469*C65	800	764	Bộ	3.750.000
GW07.9R	R864*S469*C65	900	864	Bộ	3.990.000
GW08.6R	R564*S469*C85	600	564	Bộ	4.850.000
GW08.7R	R664*S469*C85	700	664	Bộ	5.090.000
GW08.8R	R764*S469*C85	800	764	Bộ	5.300.000
GW08.9R	R864*S469*C85	900	864	Bộ	5.550.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

NGĂN KÉO ĐỂ ĐỒ GẬP **GW02R**, KHUNG NHÔM, BỌC DA

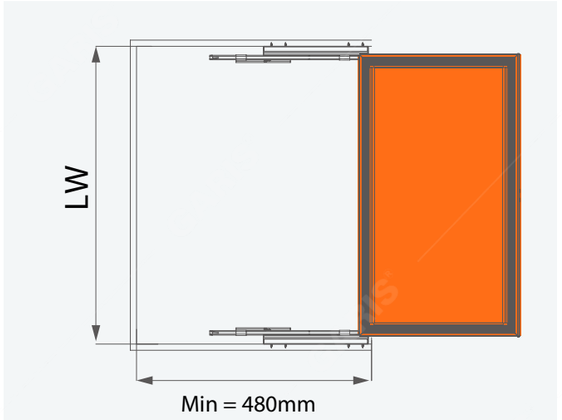

NGĂN KÉO ĐỂ ĐỒ GẬP **GW06R**, KHUNG NHÔM, KHAY LƯỚI THÉP

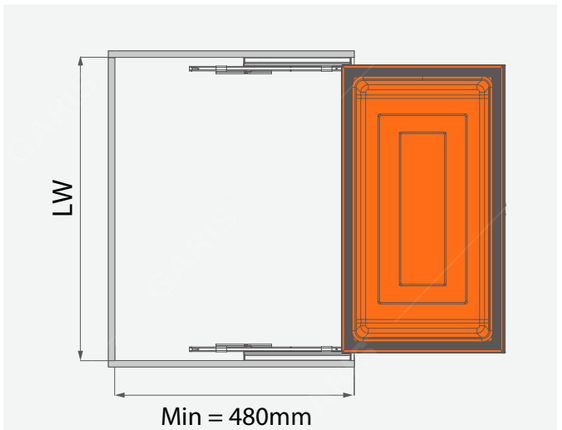

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng lọt lòng khoang tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GW02.6R	R564*S469*C169	600	564	Bộ	4.550.000
GW02.7R	R664*S469*C169	700	664	Bộ	4.650.000
GW02.8R	R764*S469*C169	800	764	Bộ	4.850.000
GW02.9R	R864*S469*C169	900	864	Bộ	5.090.000
GW06.6R	R564*S469*C184	600	564	Bộ	3.090.000
GW06.7R	R664*S469*C184	700	664	Bộ	3.390.000
GW06.8R	R764*S469*C184	800	764	Bộ	3.650.000
GW06.9R	R864*S469*C184	900	864	Bộ	3.750.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

PHỤ KIỆN TỦ QUẦN ÁO MÀU ĐỎ CARNELIAN - RUBY SERIES
Wardrobe accessories with Carnelian color - Ruby series

GIÁ TREO QUẦN ÂU **GW04R**

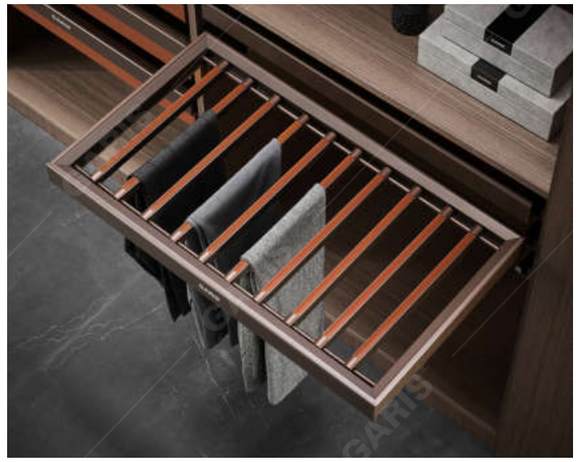

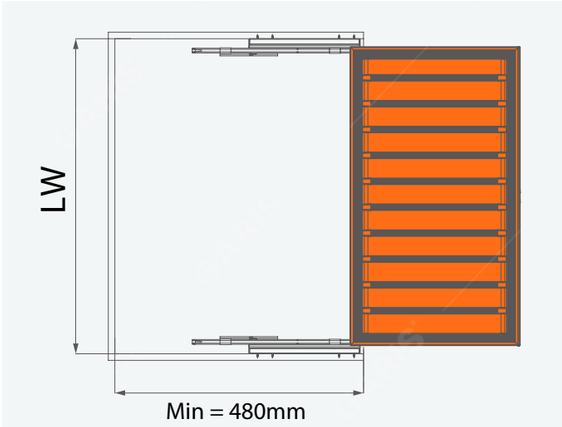

GIÁ NÂNG HẠ TREO QUẦN ÁO **GW34R**

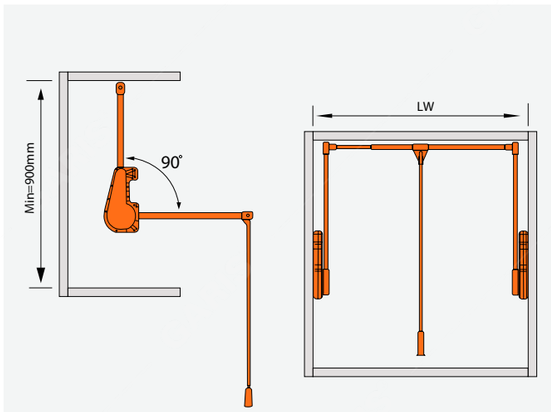

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng lọt lòng khoang tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GW04.6R	R564*S469*C65	600	564	Bộ	2.650.000
GW04.7R	R664*S469*C65	700	664	Bộ	2.750.000
GW04.8R	R764*S469*C65	800	764	Bộ	2.990.000
GW04.9R	R864*S469*C65	900	864	Bộ	3.190.000
GW34R	R(764-1064)*S185*C875	800 - 1100	Chiều rộng lọt lòng (LW): 764 - 1064 Chiều cao lọt lòng (LH) ≥ 900	Bộ	3.320.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

GIÁ TREO MẮC ÁO 8 NÚT **GW36R**

GIÁ TREO QUẦN ÂU ĐƠN CÂN **GW38R**

THANH SUỐT TREO QUẦN ÁO **GW30.AR**, HỢP KIM NHÔM

BAS SUỐT 2 ĐẦU **GW30.BR**, HỢP KIM KẼM (DÙNG CHO GW30AR)

BỘ GIÁ TREO QUẦN ÁO CỐ ĐỊNH **GW30.90S,** HỢP KIM NHÔM, LƯNG DA

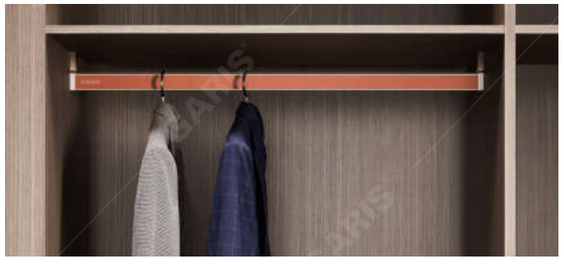

BỘ GIÁ TREO QUẦN ÁO CỐ ĐỊNH **GW30.90L**, HỢP KIM NHÔM, LƯNG DA, TÍCH HỢP ĐÈN LED CẢM BIẾN THÂN NHIỆT

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng khoang tủ LW(mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GW36R	R92*S460*C126	420	≥ 420	Bộ	1.440.000
GW38R	R335*S460*C126	350	≥ 360	Bộ	1.990.000
GW30.AR	3m (bán nguyên cây)			Cây	760.000
GW30.BR	R12*S26*C82			Cặp	200.000
GW30.90S	D864*S26*C90	≥ 900 Nếu < 900mm có thể cắt ngắn	864 bắt hồi tủ > 864 bắt trần tủ < 864 cắt theo kích thước tủ thực tế	Bộ	760.000
GW30.90L	D864*S26*C90			Bộ	2.190.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

PHỤ KIỆN TỦ QUẦN ÁO MÀU ĐỎ CARNELIAN - RUBY SERIES
Wardrobe accessories with Carnelian color - Ruby series

GIÁ XOAY **GW32R**, TREO TRẦN GÓC TỦ QUẦN ÁO, 1 TẦNG

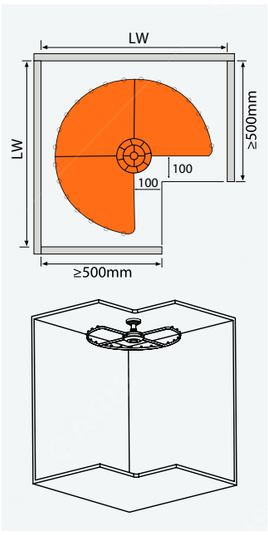

GIÁ XOAY **GW33R**, TREO GÓC TỦ QUẦN ÁO, 3 TẦNG

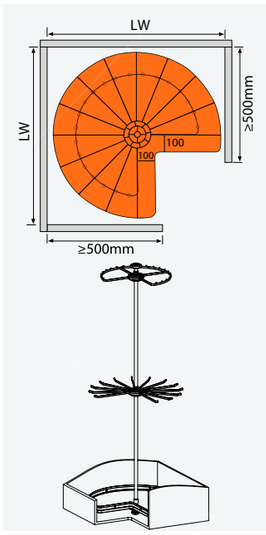

GƯƠNG TREO ÂM TỦ KHUNG NHÔM **GW31**

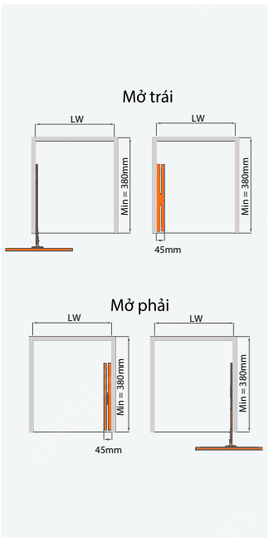

GIÁ ĐỂ GIÀY **GW44R,** XOAY 360°, KHAY BỌC DA, 12 TẦNG

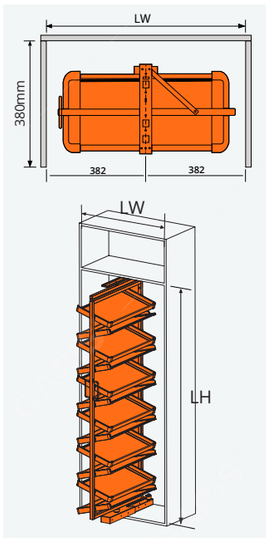

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước khoang tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng lọt lòng khoang tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GW32R	Φ520*H125	800	LW ≥ 764	Bộ	1.440.000
GW33R	Φ710*H1910-2110mm	800	Chiều rộng lọt lòng (LW) ≥ 764 Chiều cao lọt lòng (LH): 1900 - 2100	Bộ	5.540.000
GW31	R45*S350*C1000	300	Chiều rộng lọt lòng (LW) ≥ 300 Chiều cao lọt lòng (LH) ≥ 1070	Bộ	2.220.000
GW44R	R700*S360*C(1910-2110)	800	Chiều rộng lọt lòng (LW): ≥ 764 Chiều cao lọt lòng (LH) ≥ 1910 - 2110	Bộ	12.650.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

PHỤ KIỆN TỦ QUẦN ÁO MÀU ĐỎ CARNELIAN - RUBY SERIES

Wardrobe accessories with Carnelian color - Ruby series

MÓC GỖ TREO KHĂN **GW01.1**

MÓC GỖ TREO TÚI **GW01.2**

CÂY TREO CÀ VẠT BỌC DA **GW01.3**

KHAY NHÔM ĐỰNG PHỤ KIỆN THỜI TRANG **GW01.4**

Mã SP	Quy cách (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GW01.1	R20*Φ105*C210	Cái	399.000
GW01.2	48*70*209	Cái	640.000
GW01.3	R23*S216*C975	Cái	1.550.000
GW01.4	R400*S120*C65	Cái	1.090.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

PHỤ KIỆN TỦ QUẦN ÁO MÀU TRẮNG - SNOW SERIES

Wardrobe accessories - Snow series

NGĂN KÉO ĐỰNG ĐỒ TRANG SỨC **GW07**

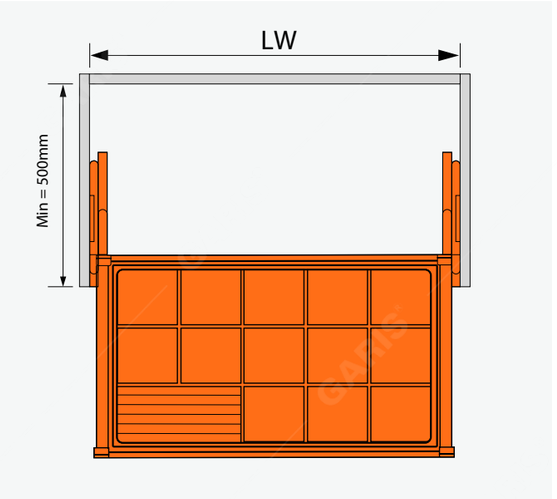

NGĂN KÉO VÁCH KÍNH ĐỂ ĐỒ GẬP **GW02**

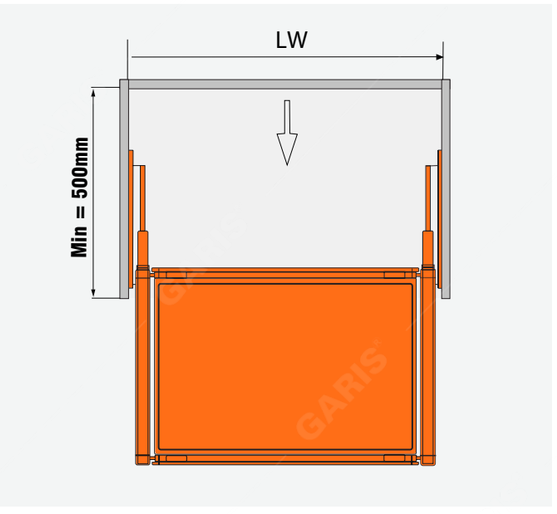

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng lọt lòng khoang tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GW07.60	R(564-660)*S480*C80	600	564 - 660	Bộ	3.990.000
GW07.70	R(664-760)*S480*C80	700	664 - 760	Bộ	4.090.000
GW07.80	R(764-860)*S480*C80	800	764 - 860	Bộ	4.330.000
GW07.90	R(864-960)*S480*C80	900	864 - 960	Bộ	4.550.000
GW02.60	R(564-660)*S480*C170	600	564 - 660	Bộ	3.200.000
GW02.70	R(664-760)*S480*C170	700	664 - 760	Bộ	3.300.000
GW02.80	R(764-860)*S480*C170	800	764 - 860	Bộ	3.550.000
GW02.90	R(864-960)*S480*C170	900	864 - 960	Bộ	3.770.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

GIÁ TREO QUẦN ÂU ĐA NĂNG KẾT HỢP KHAY ĐỰNG ĐỒ **GW04**

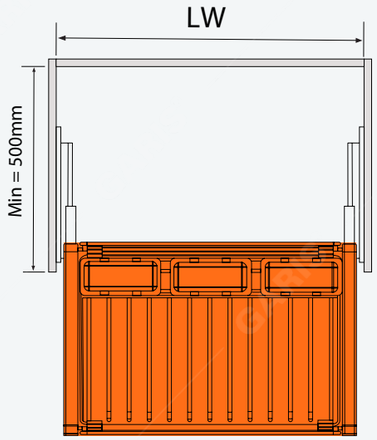

NGĂN KÉO VÁCH MÂY ĐỂ ĐỒ GẬP **GW06**

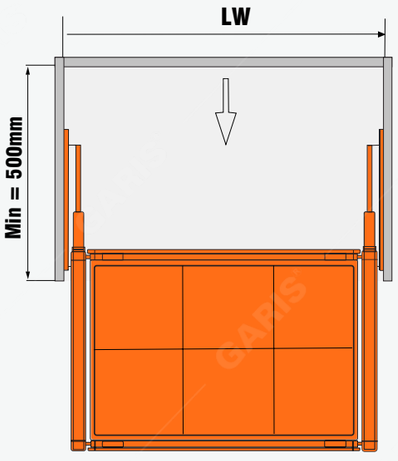

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng khoang tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GW04.60	R(564-660)*S480*C125	600	564 - 660	Bộ	3.200.000
GW04.70	R(664-760)*S480*C125	700	664 - 760	Bộ	3.300.000
GW04.80	R(764-860)*S480*C125	800	764 - 860	Bộ	3.550.000
GW04.90	R(864-960)*S480*C125	900	864 - 960	Bộ	3.770.000
GW06.60	R(564-660)*S480*C175	600	564 - 660	Bộ	3.550.000
GW06.70	R(664-760)*S480*C175	700	664 - 760	Bộ	3.770.000
GW06.80	R(764-860)*S480*C175	800	764 - 860	Bộ	3.990.000
GW06.90	R(864-960)*S480*C175	900	864 - 960	Bộ	4.190.000

PHỤ KIỆN TỦ QUẦN ÁO MÀU TRẮNG - SNOW SERIES
Wardrobe accessories - Snow series

GIÁ XOAY **GW22**, TREO TRẦN GÓC TỦ QUẦN ÁO, 1 TẦNG

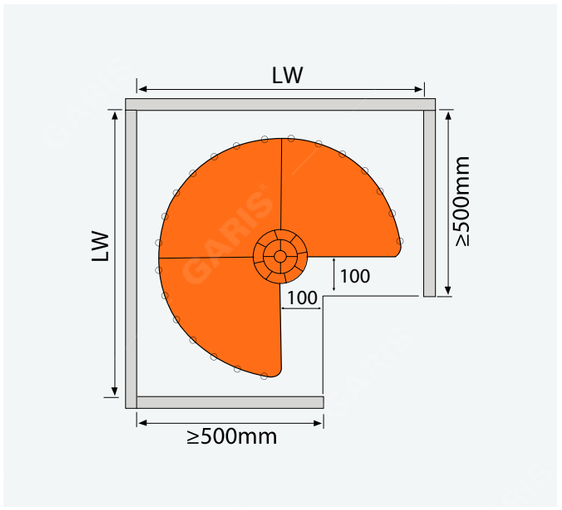

GIÁ XOAY **GW23**, TREO GÓC TỦ QUẦN ÁO, 3 TẦNG

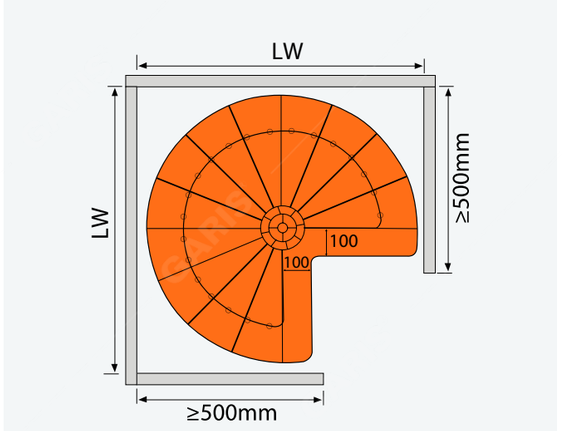

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng khoang tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GW22	Φ520*H125	800	LW ≥ 764	Bộ	1.440.000
GW23	Φ710*H1900-2100mm	800	Rộng lọt lòng (LW) ≥ 764 Cao lọt lòng (LH): 1900 - 2100	Bộ	5.440.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

BỘ GIÁ TREO QUẦN ÁO CỐ ĐỊNH **GW26, GW27,** MÀU NHÔM MỜ

BỘ GIÁ TREO QUẦN ÁO CỐ ĐỊNH **GW30A/30B**, MÀU TRẮNG

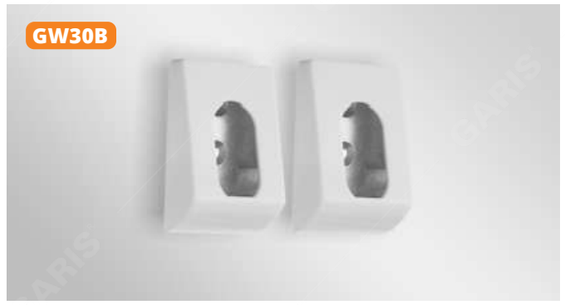

BỘ GIÁ TREO QUẦN ÁO CỐ ĐỊNH **GW30AB/30BB** (MÀU ĐEN), **GW30AC/30BC** (MÀU ĐỒNG)

Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao)mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GW26	Thanh treo quần áo màu nhôm	3m	Cây	500.000
GW27.1	Cặp bas treo màu nhôm	R20*S12*C40	Cặp	22.000
GW27.2	Bas treo tủ góc màu nhôm	R33*S33*C72	Cái	70.000
GW27.3	Bas treo giữa màu nhôm	R50*S12*C71	Cái	50.000
GW30A	Thanh treo quần áo màu trắng	3m	Cây	760.000
GW30B	Cặp bas treo màu trắng	R40*S20*C63	Cặp	110.000
GW30AB	Thanh treo quần áo màu đen	3m	Cây	680.000
GW30BB	Cặp bas treo màu đen	R40*S19*C83	Cặp	90.000
GW30AC	Thanh treo quần áo màu đồng	3m	Cây	580.000
GW30BC	Cặp bas treo màu đồng	R40*S19*C83	Cặp	70.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

PHỤ KIỆN TỦ QUẦN ÁO MÀU TRẮNG - SNOW SERIES
Wardrobe accessories - Snow series
GARIS® Live Different

GIÁ ĐỂ ĐỒ ĐA NĂNG 3 TẦNG **GW15**

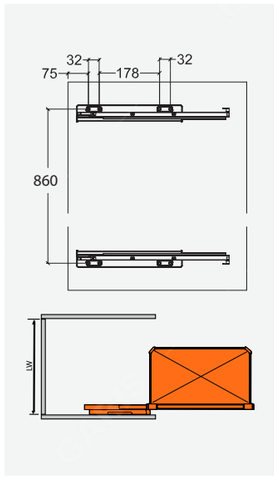

GIÁ NÂNG HẠ TREO QUẦN ÁO **GW14**

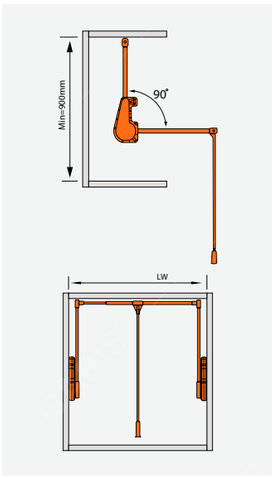

GIÁ TREO QUẦN ÂU ĐƠN CÂN **GW18**

GIÁ TREO QUẦN ÂU ĐÔI CÂN **GW19**

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao) mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Chiều rộng lọt lòng khoang tủ (LW) mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GW15	R310*S485*C860	400	Chiều rộng lọt lòng (LW) ≥ 365 Chiều cao lọt lòng (LH): 880	Bộ	4.360.000
GW14	R(764-1064)*S150*C800	800 - 1100	Chiều rộng lọt lòng (LW): 764 - 1064 Chiều cao lọt lòng (LH) ≥ 900	Bộ	3.220.000
GW18	R360*S455*C135	400	≥ 365	Bộ	1.890.000
GW19	R640*S465*C135	700	≥ 665	Bộ	2.550.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

GIÁ TREO MẮC ÁO 8 NÚT **GW16**

GIÁ TREO CÀ VẠT, THẮT LƯNG **GW17**

Mã sản phẩm	Quy cách (mm)	Kích thước lọt lòng khoang tủ (LW)mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GW16	R120*S465*C135	≥ 420	Bộ	1.320.000
GW17	R140*S465*C70	≥ 165	Bộ	1.090.000

CẦU LÀ GẬP **GW20**, ÂM TỦ, XOAY 180°

GƯƠNG TREO ÂM TỦ **GW21**

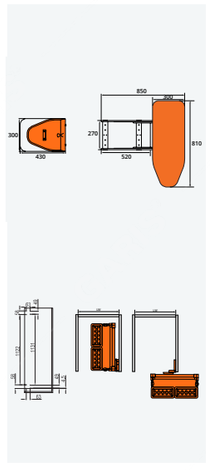

Mã SP	Quy cách (mm)	Kích thước tủ tiêu chuẩn (mm)	Kích thước lọt lòng khoang tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GW20	R300*S430*C145	400	LW ≥ 365	Bộ	2.770.000
GW21	R250*S430*C1280		LW ≥ 315 LH (cao) ≥ 1350	Bộ	4.090.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

PHỤ KIỆN TỦ QUẦN ÁO MÀU TRẮNG - SNOW SERIES
Wardrobe accessories - Snow series

GIÁ ĐỂ GIÀY **GW24,** XOAY 360°, 12 TẦNG

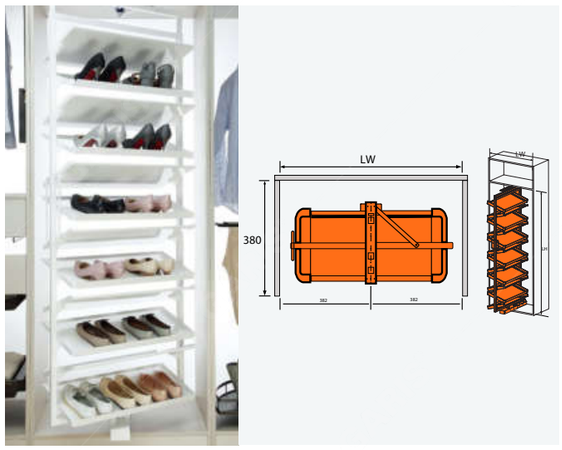

GIÁ ĐỂ GIÀY **GW25,** XOAY 360°, 4 TẦNG

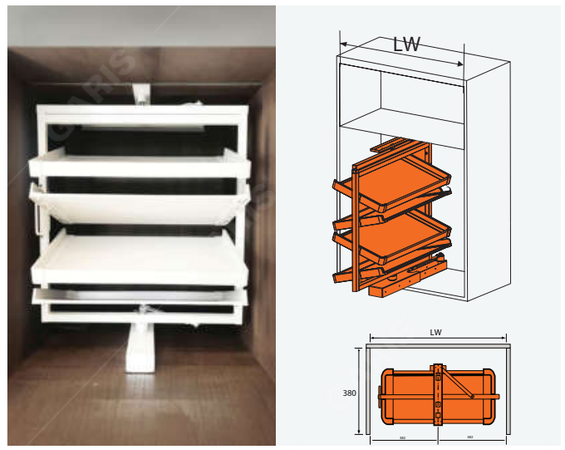

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao)mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn(mm)	Kích thước lọt lòng khoang tủ (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GW24	R720*S360* C(1910-2110)	800	Chiều rộng lọt lòng (LW) ≥ 764 Chiều cao lọt lòng (LH): 1910 - 2110	Bộ	12.190.000
GW25	R720*S360* C(790-990)	800	Chiều rộng lọt lòng (LW) ≥ 764 Chiều cao lọt lòng (LH): 790 - 990	Bộ	7.770.000

GIỎ ĐỂ ĐỒ GIẶT ĐƠN **GW28**, 48L

GIỎ ĐỂ ĐỒ GIẶT ĐÔI **GW29**, 70L

Mã sản phẩm	Quy cách (Rộng*Sâu*Cao)mm	Kích thước tủ tiêu chuẩn(mm)	Chiều rộng lọt lòng khoang tủ (LW)mm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GW28	R(412-418)*S506*C545	450	412 - 418	Bộ	4.390.000
GW29	R(562-568)* S506*C570	600	562 - 568	Bộ	4.750.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

RAY HỘP GIGABOX GIẢM CHẤN
Gigabox inbox soft-closing drawer slides

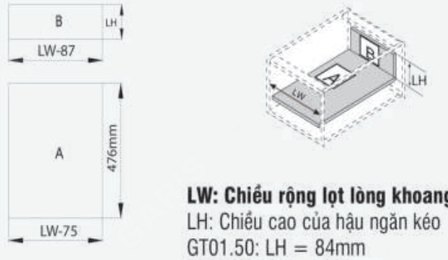

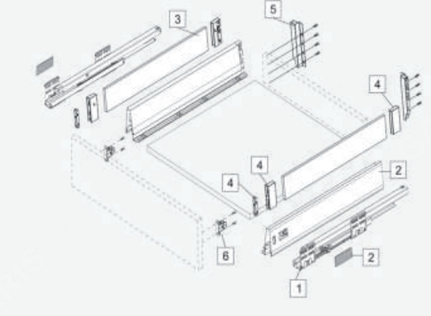

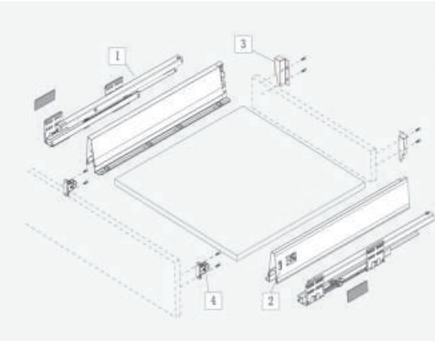

Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Chiều dài bộ ray hộp	Mô tả sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GT01.50	Ray hộp Gigabox 2 mặt thành thấp	500mm	Bộ ray hộp giảm chấn Gigabox GT01 gồm 2 ray hộp trái/phải	Bộ	1.210.000
GT12.50	Ray hộp Gigabox 2 mặt thành cao vách kính	500mm	Bộ ray GT12.50 gồm: - 2 ray hộp trái/phải - 2 vách kính trắng 2 bên	Bộ	1.870.000
GT02.50	Ray hộp Gigabox 2 mặt thành cao vách kính, thanh tăng cường	500mm	- 2 ray hộp trái/phải (mã lẻ GT02.50W)	Bộ	1.400.000
			2 vách kính mờ 2 bên (mã lẻ GT02.50M)		400.000
	Tổng				**1.800.000**

Bộ sản phẩm chưa bao gồm hậu và đáy ngăn kéo.

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

RAY HỘP GIGABOX GIẢM CHẤN
Gigabox inbox soft-closing drawer slides

GARIS® Live Different

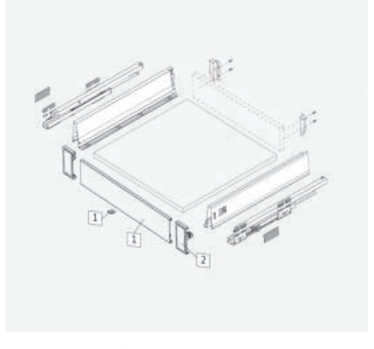

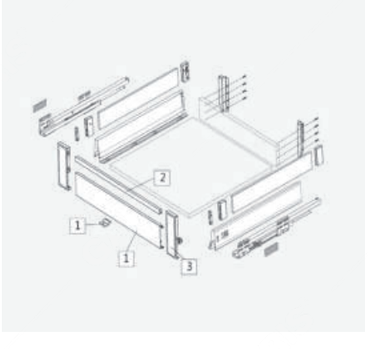

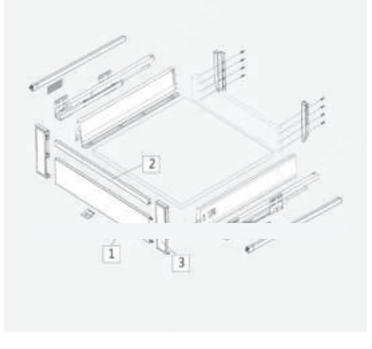

Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Chiều dài bộ ray hộp	Mô tả sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GT5	Ray hộp Gigabox 3 mặt thành thấp	500mm	1 bộ ray hộp 2 mặt thành thấp (mã lẻ GT01.50)	Bộ	1.210.000
			1 thanh mặt ngăn kéo trước (mã lẻ GT05.1), L = 1200mm		700.000
			1 cặp liên kết giữa mặt và ngăn kéo (mã lẻ GT05.2), H = 110mm		150.000
	Tổng				**2.060.000**
GT6B	Ray hộp Gigabox 3 mặt thành cao vách kính	500mm	1 bộ ray hộp và 2 vách kính mờ 2 bên (mã lẻ GT12.50)	Bộ	1.870.000
			1 thanh mặt ngăn kéo trước (mã lẻ GT05.1), L = 1200mm		700.000
			1 thanh nâng cấp trước (mã lẻ GT06.1), L = 1000mm		300.000
			1 cặp liên kết giữa mặt và ngăn kéo (mã lẻ GT06.3), H = 220mm		170.000
	Tổng				**3.040.000**
GT6A	Ray hộp Gigabox 3 mặt thành cao vách kính, thanh tăng cường	500mm	1 bộ ray hộp 2 mặt thành cao (mã lẻ GT02.50W)	Bộ	1.400.000
			2 vách kính mờ 2 bên (mã lẻ GT02.50M)		400.000
			1 thanh mặt ngăn kéo trước (mã lẻ GT05.1), L = 1200mm		700.000
			1 thanh nâng cấp trước (mã lẻ GT06.1), L = 1000mm		300.000
			1 cặp liên kết giữa mặt và ngăn kéo (mã lẻ GT06.2), H = 190mm		190.000
	Tổng				**2.990.000**

Bộ sản phẩm chưa bao gồm hậu và đáy ngăn kéo.

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

RAY HỘP GIGABOX GIẢM CHẤN
Gigabox inbox soft-closing drawer slides

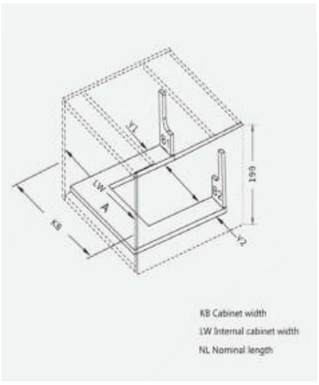

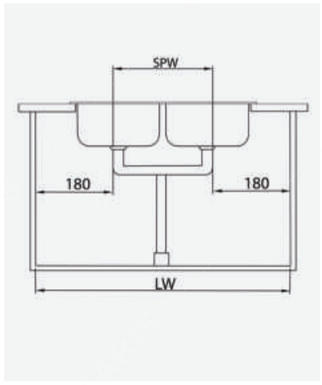

Mã SP	Tên sản phẩm	Chiều dài bộ ray hộp	Mô tả sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GT8	Ngăn kéo chữ U	500mm	1 bộ ray hộp và 2 vách kính 2 bên (mã lẻ GT12.50)	Bộ	1.870.000
			1 cặp vách ngăn giữa, L500mm (mã lẻ GT08.1)	Cặp	390.000
			1 thanh chia ngang, L1000mm (mã lẻ GT08.2)	Thanh	280.000
			1 cặp đầu thanh chia ngang (mã lẻ GT08.3)	Cặp	45.000
			1 cặp liên kết hậu tủ và vách ngăn giữa (mã lẻ GT08.4)	Cặp	60.000
			Tổng		**2.645.000**

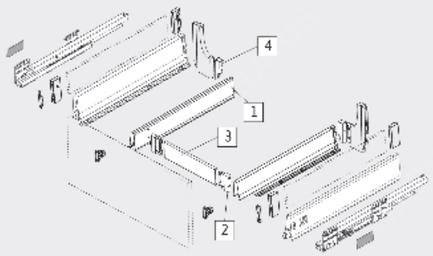

Mã SP	Tên sản phẩm	Chiều dài bộ ray hộp	Mô tả sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GT9	Ngăn kéo chia ô	500mm	1 bộ ray hộp và 2 vách kính 2 bên (mã lẻ GT12.50)	Bộ	1.870.000
			2 thanh chia ô (mã lẻ GT09.1), L=1200mm	Bộ	890.000
			6 tấm chia ô (mã lẻ GT09.2)	Tấm	480.000
			2 khớp nối (mã lẻ GT09.3)	Bộ	198.000
			Tổng		**3.438.000**

Bộ sản phẩm chưa bao gồm mặt trước, hậu và đáy ngăn kéo.

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

BẢN LỀ HAMBURG
Hamburg hinges

Bản lề Hamburg **GH09**, inox 304, piston đồng, giảm chấn, tháo lắp nhanh

Bản lề Hamburg **GH10,** inox 201, piston đồng, giảm chấn, tháo lắp nhanh

Bản lề Hamburg **GH07**, thép mạ NICKEL, giảm chấn, tháo lắp nhanh, điều chỉnh 3D (3 hướng)

Mã sản phẩm	Quy cách	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GH09A	Thẳng (trùm cả)	Cái	65.000
GH09B	Cong nửa (trùm nửa)	Cái	65.000
GH09C	Cong toàn phần (lọt lòng)	Cái	65.000
GH10A	Thẳng (trùm cả)	Cái	40.000
GH10B	Cong nửa (trùm nửa)	Cái	40.000
GH10C	Cong toàn phần (lọt lòng)	Cái	40.000
GH07A	Thẳng (trùm cả)	Cái	42.000
GH07B	Cong nửa (trùm nửa)	Cái	42.000
GH07C	Cong toàn phần (lọt lòng)	Cái	42.000

**Bảo hành cơ cấu 5 năm đối với các sản phẩm trên, bảo hành rỉ 5 năm đối với GH09*

Bản lề Hamburg **GH08**, thép mạ NICKEL, giảm chấn, tháo lắp nhanh, đầu vuông

Bản lề Hamburg **GH22**, thép mạ NICKEL, giảm chấn, tháo lắp nhanh, đầu bo tròn

Bản lề Hamburg **GH23**, thép mạ NICKEL, giảm chấn, không tháo lắp nhanh

Mã sản phẩm	Quy cách	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GH08A	Thẳng (trùm cả)	Cái	34.000
GH08B	Cong nửa (trùm nửa)	Cái	34.000
GH08C	Cong toàn phần (lọt lòng)	Cái	34.000
GH22A	Thẳng (trùm cả)	Cái	23.500
GH22B	Cong nửa (trùm nửa)	Cái	23.500
GH22C	Cong toàn phần (lọt lòng)	Cái	23.500
GH23A	Thẳng (trùm cả)	Cái	21.000
GH23B	Cong nửa (trùm nửa)	Cái	21.000
GH23C	Cong toàn phần (lọt lòng)	Cái	21.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

BẢN LỀ HAMBURG
Hamburg hinges

Bản lề Hamburg **GH04**, góc mở 165 °, thép mạ NICKEL, giảm chấn, tháo lắp nhanh

Bản lề nối cánh Hamburg **GH03**, góc mở 135 °, thép mạ NICKEL

Bản lề khung nhôm Hamburg **GH30**, thép mạ NICKEL, giảm chấn

Bản lề khung nhôm/gỗ âm Hamburg **GH31**, thép mạ NICKEL, giảm chấn

Mã sản phẩm	Quy cách	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) (Giá chưa VAT)
GH04A	Thẳng (trùm cả)	Cái	95.000
GH04B	Cong nửa (trùm nửa)	Cái	95.000
GH04C	Cong toàn phần (lọt lòng)	Cái	95.000
GH03	Bản lề góc nối 2 cánh góc vuông	Cái	50.000
GH30A	Thẳng (trùm cả)	Cái	44.000
GH30B	Cong nửa (trùm nửa)	Cái	44.000
GH30C	Cong toàn phần (lọt lòng)	Cái	44.000
GH31		Cặp (trái + phải)	800.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

RAY ÂM GIẢM CHẤN DRESDEN
Dresden hidden slides

Ray âm Dresden **GT03**, mở toàn phần, thép mạ kẽm, khóa cam 3D (điều chỉnh 3 hướng)

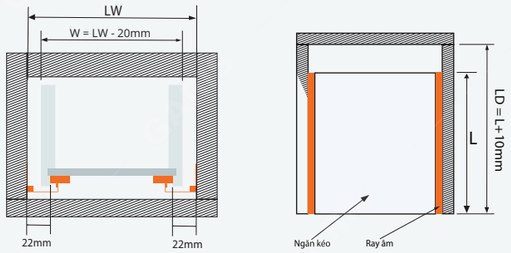

Ray âm Dresden **GT05**, mở 3/4. thép mạ kẽm

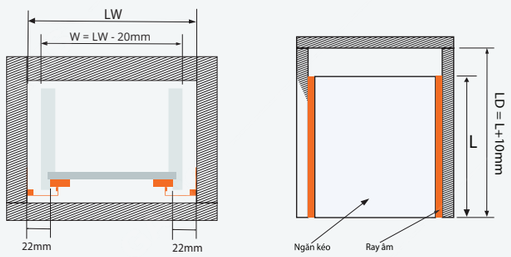

Mã sản phẩm	Chiều dài (mm)	Chiều cao (mm)	Độ dày (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GT03.25	L250mm	50	1,8*1,5*1,0	Bộ	295.000
GT03.30	L300mm	50	1,8*1,5*1,0	Bộ	310.000
GT03.35	L350mm	50	1,8*1,5*1,0	Bộ	330.000
GT03.40	L400mm	50	1,8*1,5*1,0	Bộ	350.000
GT03.45	L450mm	50	1,8*1,5*1,0	Bộ	370.000
GT03.50	L500mm	50	1,8*1,5*1,0	Bộ	390.000
GT05.25	L250mm	42	1,5*1,5	Bộ	210.000
GT05.30	L300mm	42	1,5*1,5	Bộ	215.000
GT05.35	L350mm	42	1,5*1,5	Bộ	225.000
GT05.40	L400mm	42	1,5*1,5	Bộ	235.000
GT05.45	L450mm	42	1,5*1,5	Bộ	245.000
GT05.50	L500mm	42	1,5*1,5	Bộ	260.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

RAY BI BREMEN
Bremen ball-bearing slides

Ray bi giảm chấn liền Bremen **GT04SC.Z**, 3 lớp, thép mạ kẽm

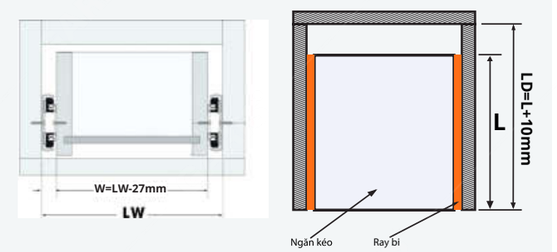

Ray bi giảm chấn liền Bremen **GT04SC**, 3 lớp, thép sơn tĩnh điện

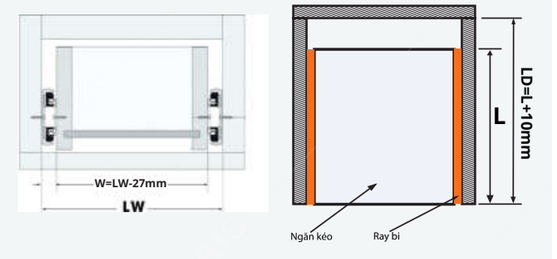

Mã sản phẩm	Chiều dài ray (L)mm	Chiều rộng ray(mm)	Độ dày ray (mm)	Sâu lọt lòng khoang tủ LD (mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GT04SC.Z25	250	45	1,2*1,2*1,5	260	Bộ	145.000
GT04SC.Z30	300	45	1,2*1,2*1,5	310	Bộ	165.000
GT04SC.Z35	350	45	1,2*1,2*1,5	360	Bộ	195.000
GT04SC.Z40	400	45	1,2*1,2*1,5	410	Bộ	215.000
GT04SC.Z45	450	45	1,2*1,2*1,5	460	Bộ	230.000
GT04SC.Z50	500	45	1,2*1,2*1,5	510	Bộ	250.000
GT04SC.25	250	45	1,2*1,2*1,5	260	Bộ	140.000
GT04SC.30	300	45	1,2*1,2*1,5	310	Bộ	160.000
GT04SC.35	350	45	1,2*1,2*1,5	360	Bộ	190.000
GT04SC.40	400	45	1,2*1,2*1,5	410	Bộ	210.000
GT04SC.45	450	45	1,2*1,2*1,5	460	Bộ	225.000
GT04SC.50	500	45	1,2*1,2*1,5	510	Bộ	245.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

RAY BI KHÔNG GIẢM CHẤN BREMEN **GT04**, 3 LỚP

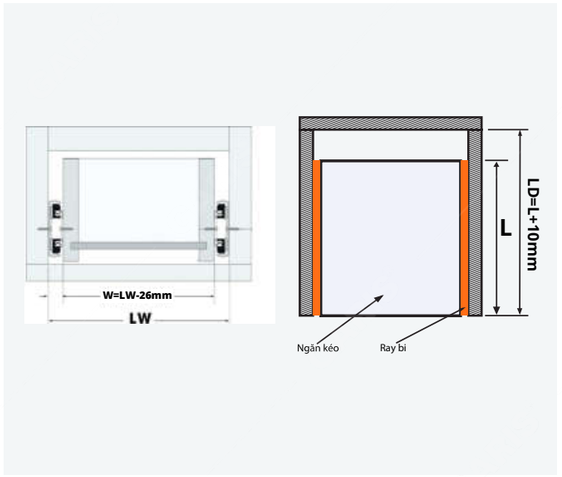

GIẢM CHẤN RỜI KOLN **G04S**, NHỰA ABS CAO CẤP, MÀU TRẮNG

Mã sản phẩm	Chiều dài ray (L)mm	Chiều rộng ray (mm)	Độ dày ray (mm)	Chiều sâu lọt lòng tủ LD(mm)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GT04.25	250	45	1,2*1,2*1,4	260	Bộ	80.000
GT04.30	300	45	1,2*1,2*1,4	310	Bộ	95.000
GT04.35	350	45	1,2*1,2*1,4	360	Bộ	115.000
GT04.40	400	45	1,2*1,2*1,4	410	Bộ	130.000
GT04.45	450	45	1,2*1,2*1,4	460	Bộ	145.000
GT04.50	500	45	1,2*1,2*1,4	510	Bộ	160.000
G04S	Giảm chấn rời Koln, nhựa ABS cao cấp, màu trắng					80.000

Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

RAY TRƯỢT CỬA LÙA THÔNG DỤNG **GR67** - CÁNH LỌT KHUNG

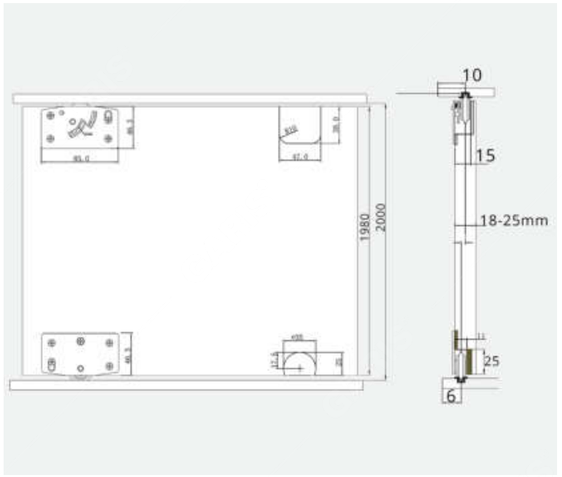

RAY TRƯỢT CỬA LÙA **GR68** - CÁNH GẬP

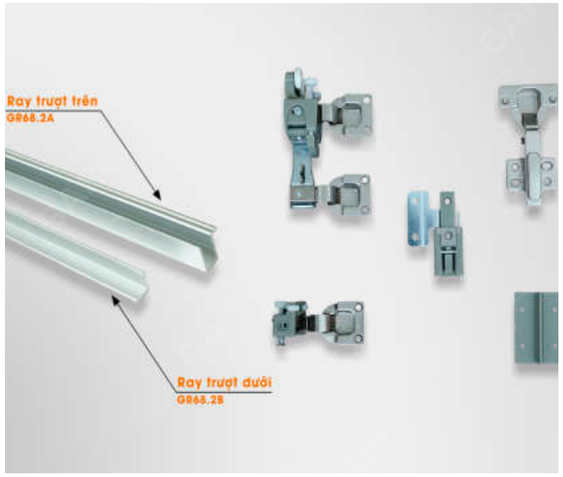

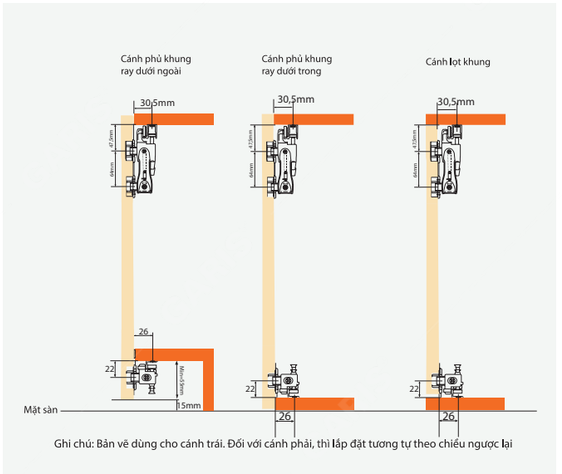

Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GR67.1	Bộ bánh xe cánh lùa lắp cho 1 cánh	Bộ	178.000
GR67.2	Ray trượt dài 3m	Cây	167.000
GR68.1	Bộ bánh xe cánh lùa lắp cho 2 cánh	Bộ	956.000
GR68.2A	Ray trượt trên, dài 3m	Cây	655.000
GR68.2B	Ray trượt dưới, dài 3m	Cây	323.000

Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

RAY TRƯỢT CỬA LÙA **GR66**, CÁNH LỌT KHUNG

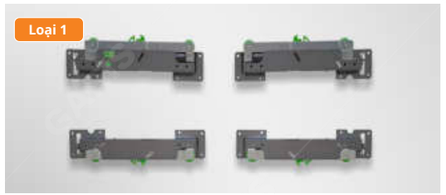

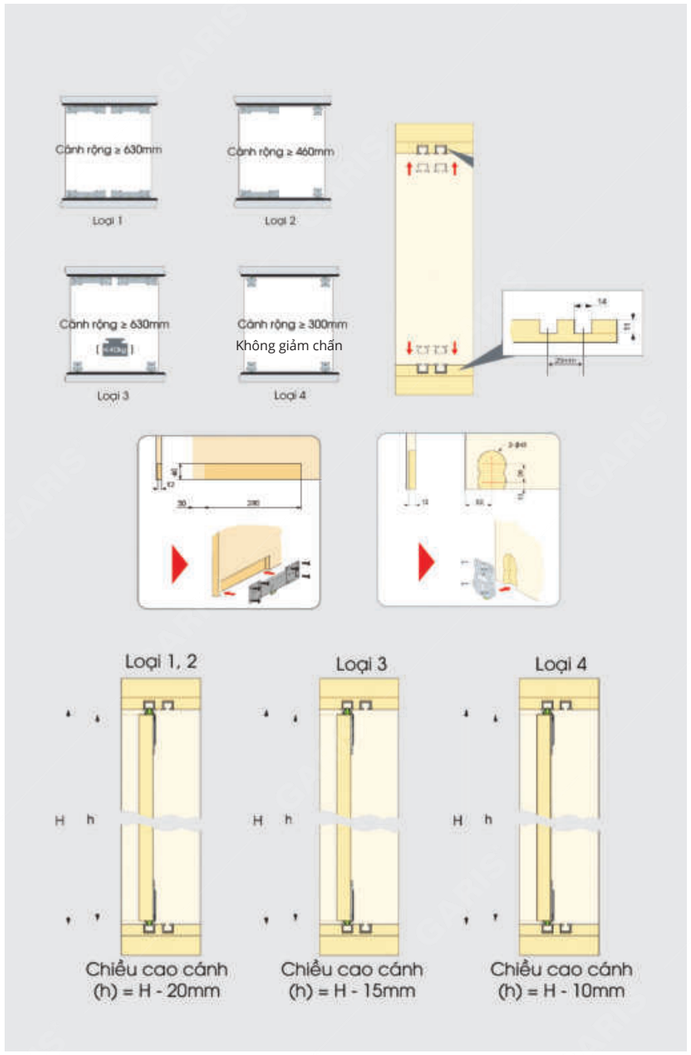

Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GR66.1A	Bánh xe cánh lùa trên	Cái	98.000
GR66.1B	Bánh xe cánh lùa dưới	Cái	98.000
GR66.2AL/R	Bánh xe cánh lùa trên giảm chấn liền	Cái	600.000
GR66.2BL/R	Bánh xe cánh lùa dưới giảm chấn liền	Cái	600.000
GR66.3	Ray trượt, dài 3m	Cây	255.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

RAY TRƯỢT CỬA LÙA TREO **GR69** - CÁNH PHỦ KHUNG

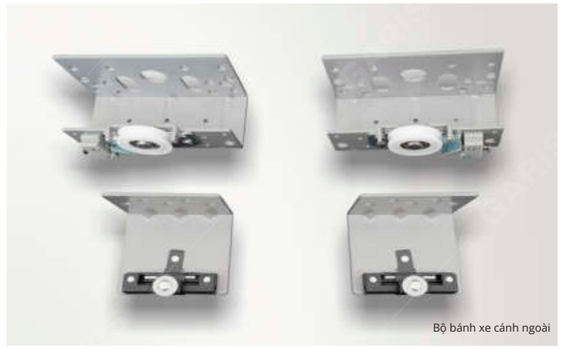

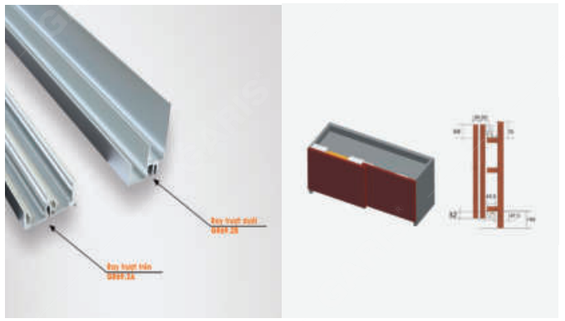

RAY TRƯỢT CỬA LÙA PHẲNG **GR65**

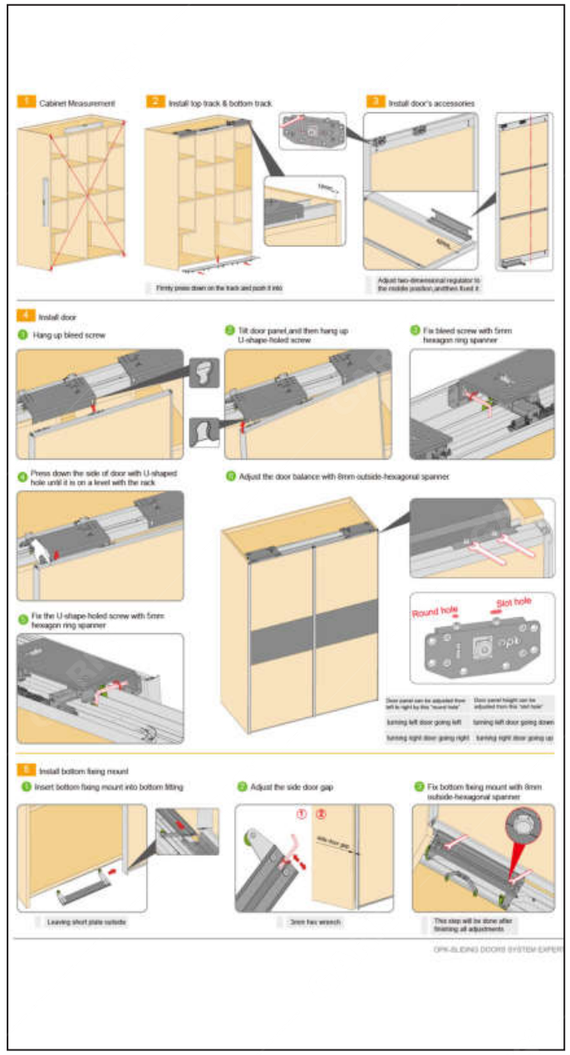

Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
GR69.1A	Bộ bánh xe cánh lùa lắp cánh trong	Bộ	600.000
GR69.1B	Bộ bánh xe cánh lùa lắp cánh ngoài	Bộ	878.000
GR69.2A	Ray trượt trên, dài 3m	Cây	1.610.000
GR69.2B	Ray trượt dưới, dài 3m	Cây	1.410.000
GR65	Bộ sản phẩm lắp cho 2 cánh tủ	Bộ	42.000.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

TAY NẮM CAO CẤP
Elegance door handle

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Quy cách	Tên sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)* Giá chưa VAT
	GH60.128	C= 128 L= 148	Tay nắm cạnh vuông, hợp kim nhôm, màu nhôm mờ	- C: là khoảng cách giữa 2 lỗ vít - L: là chiều dài tay nắm	Cái	94.000
	GH60.192	C=192 L= 212				100.000
	GH62.128	C=128 L= 192	Tay nắm đũa, hợp kim nhôm, màu Tungsten			125.000
	GH62.288	C=288 L= 352				165.000
	GH63.160	C= 160 L= 200	Tay nắm vát, hợp kim nhôm, màu nhôm mờ			125.000
	GH63.320	C=320 L= 400				190.000
	GH64.160	C= 160 L= 173	Tay nắm âm khoét gỗ, hợp kim nhôm, màu nhôm mờ			160.000
	GH65.96	C= 96 L= 107	Tay nắm kẻ vân trúc, hợp kim nhôm, màu nhôm mờ			220.000
	GH65.192	C=192 L= 203				335.000
	GH66.160	C= 160 L= 234	Tay nắm thanh mảnh, hợp kim nhôm, màu nhôm mờ			220.000
	GH67.1	Cây tay nắm 2.5m. Ø18mm	Tay nắm đũa, hợp kim nhôm, màu nhôm mờ	- Cây tay nắm dài 2.5m, Ø18 - Đầu bắt tay nắm bán rời không đi kèm theo cây tay nắm. Cắt tay nắm theo kích thước tùy chọn.		620.000
	GH67.2	Đầu bắt tay nắm				105.000
	GH68	L = 3m	Tay nắm âm xẻ rãnh, dạng cây, hợp kim nhôm	Cây tay nắm dài 3m - Soi rãnh 1.5mm, không dùng đầu bịt và sử dụng cho gỗ dày 18mm	Cây	790.000
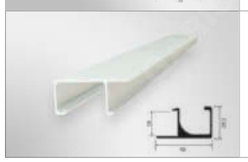	GH69	L = 3m	Tay nắm âm bắt vít, dạng cây, hợp kim nhôm	- Cây tay nắm dài 3m - Bắt vít trực tiếp trên gỗ, không dùng đầu bịt và sử dụng cho gỗ dày 18mm		405.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

TAY NẮM CAO CẤP
Elegance door handle

GARIS® Live Different

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Quy cách	Tên sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)* Giá chưa VAT
	GH70.200	C= 160 L= 234	Tay nắm bắt vít, dạng đơn, hợp kim nhôm, màu Tungsten	- C: là khoảng cách giữa 2 lỗ vít - L: là chiều dài tay nắm	Cái	75.000
	GH71.128	C=128 L=178	Tay nắm thân cong, hợp kim nhôm, màu Tungsten sẫm			110.000
	GH71.192	C=192 L=242				133.000
	GH72.96	C=96 L=116	Tay nắm cạnh vuông, hợp kim nhôm, chân màu Chrome, thân màu đen bóng			115.000
	GH72.128	C=128 L=148				125.000
	GH72.192	C=192 L=212				145.000
	GH74.160	C=160 L=195	Tay nắm hợp kim nhôm,màu chrome mờ			125.000
	GH74.224	C=224 L=259				175.000
	GH75.160	C=160 L=200	Tay nắm bắt vít, dạng đơn, hợp kim nhôm, màu nhôm mờ			100.000
	GH76.96	C = 96 L = 136	Tay nắm hợp kim kẽm, màu Nickel xám mờ.			130.000
	GH76.128	C = 128 L = 168				165.000
	GH61.96	C = 96 L = 116	Tay nắm cạnh vát, hợp kim nhôm, màu nhôm			65.000
	GH61.128	C = 128 L = 148				80.000
	GH61.160	C = 160 L = 180				135.000
	GH61.192	C = 192 L = 212				140.000
	GH61.480	C = 480 L = 500				290.000
	GH61.780	C = 768 L = 800				320.000
	GH61.980	C = 962 L = 1000				380.000
	GH63B.128	C = 128 L = 138	Tay nắm tạo hình vát, hợp kim nhôm, màu đen			90.000
	GH63B.160	C = 160 L = 170				105.000
	GH63B.192	C = 192 L = 202				115.000

*Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Quy cách	Tên sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)* Giá chưa VAT
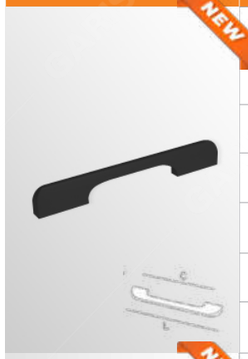	GH61B.96	C = 96, L = 116	Tay nắm cạnh vát, hợp kim nhôm, màu đen mờ	- C: là khoảng cách giữa 2 lỗ vít - L: là chiều dài tay nắm	Cái	55.000
	GH61B.128	C = 128, L = 148				65.000
	GH61B.160	C = 160, L = 180				75.000
	GH61B.192	C = 192, L = 212				85.000
	GH61B.480	C = 480 , L = 500				290.000
	GH61B.780	C = 762, L = 800				320.000
	GH61B.980	C = 960, L = 1000				380.000
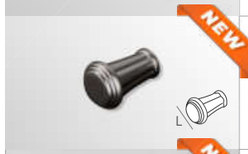	GH77.0	C = 0, L = 31	Tay nắm dạng núm, hợp kim kẽm, màu Nickel xám mờ			85.000
	GH77.96	C = 96, L = 152	Tay nắm hợp kim kẽm, màu Nickel xám mờ			185.000
	GH77.128	C = 128, L = 188				220.000
	GH77.192	C = 192, L = 247				295.000
	GH78.0	C = 0, L = 42	Tay nắm dạng núm, hợp kim kẽm, màu Nickel xám mờ			90.000
	GH78.96	C = 96, L = 106	Tay nắm cạnh vuông, hợp kim kẽm, màu Nickel xám mờ			145.000
	GH78.128	C = 128, L = 138				165.000
	GH78.160	C = 160, L = 170				200.000
	GH78.192	C = 192, L = 202				230.000
	GH79.0	C = 0, L = 39	Tay nắm dạng núm, hợp kim kẽm, chân màu đen mờ, thân màu Chrome			110.000
	GH79.96	C = 96, L = 122	Tay nắm cạnh vuông, hợp kim kẽm, chân màu đen mờ, thân màu Chrome			200.000
	GH79.128	C = 128, L = 154				250.000
	GH79.192	C = 192, L = 220				320.000
	GH80.128	C = 128, L = 140	Tay nắm âm, cạnh vuông, hợp kim nhôm, màu đen			180.000
	GH80.188	C = 188, L = 200				250.000

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Quy cách	Tên sản phẩm	Mô tả sản phẩm	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)* Giá chưa VAT
	GE60.0	C= 0 L= 34	Tay nắm cổ điển, dạng núm oval, màu đồng đen	- Chất liệu: Hợp kim kẽm - C: là khoảng cách giữa 2 lỗ vít - L: là chiều dài tay nắm	Cái	128.000
	GE60.96	C= 96 L= 147	Tay nắm cổ điển, dạng tay cầm, màu đồng đen			155.000
	GE61.0	C= 0 L= 31	Tay nắm cổ điển, dạng núm vuông, màu đồng đen			115.000
	GE61.96	C= 96 L= 108	Tay nắm cổ điển, dạng tay cầm, màu đồng đen			133.000
	GE61.128	C= 128 L= 140				155.000
	GE61.160	C= 160 L= 172				178.000
	GE62.0	C= 0 L= 45	Tay nắm cổ điển, dạng núm oval, màu đồng			155.000
	GE62.96	C= 96 L= 147	Tay nắm cổ điển, dạng tay cầm, màu đồng			205.000
	GE63.0	C= 0 L= 40	Tay nắm cổ điển, dạng núm, màu đồng hoàng gia			155.000
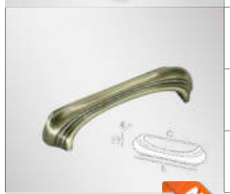	GE63.96	C= 96 L= 110	Tay nắm cổ điển, dạng tay cầm, màu đồng hoàng gia			210.000
	GE63.128	C= 128 L= 142				265.000
	GE63.160	C= 160 L= 174				290.000
	GE64.0	C = 0 L = 42	Tay nắm cổ điển dạng núm, hợp kim kẽm, dạng núm, màu đồng hoàng gia			95.000
	GE64.96	C = 96 L = 106	Tay nắm cổ điển, dạng tay cầm, hợp kim kẽm, màu đồng hoàng gia			145.000
	GE64.128	C = 128 L = 138				170.000
	GE64.192	C = 192 L = 202				235.000

PHỤ KIỆN SẢN XUẤT KHÁC
Other furniture manufactoring accessories

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Mô tả	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ) Giá chưa VAT
	GA2.80SC	Piston 80N	- Piston giảm chấn - Chất liệu thép và nhựa - Sử dụng hơi nén 80N (~8kg), 100N (~10kg), 120N (~12kg) và 150N (~15kg) - Dùng để nâng cánh tủ, dễ lắp đặt và thay thế - Chiều cao lọt lòng khoang tủ: ≥ 360mm	Cái	70.000
	GA2.100SC	Piston 100N			75.000
	GA2.120SC	Piston 120N			80.000
	GA2.150SC	Piston 150N			85.000
	GA01	Bộ 2 cái bas treo tủ	- Chất liệu thép và nhựa - Tải trọng 60 - 80kg - Bas treo thùng tủ trên	Bộ	33.000
	GA3	Nẹp nhôm giữ cánh thẳng	- Đảm bảo cho cánh tủ áo không bị cong vênh khi sử dụng - Chất liệu: Nhôm - Độ dài: 2m/cây (bán cả cây) - Độ dày gỗ tối thiểu: 16mm - Tăng chỉnh với 2 vị trí bằng lục giác, có thể cắt ngắn theo thực tế thi công	Cây	290.000
	GA4	Chân tủ bếp	- Làm chân tủ bếp, liên kết bằng vít - Chất liệu: Nhựa ABS cao cấp - Màu sắc: đen - Có thể tăng chỉnh chiều cao từ 95 mm đến 130mm	Cái	16.000
	GA5.1	Ốp chân tủ bếp cao cấp	- Dùng che chân tủ bếp - Chất liệu: mặt nhôm, khung nhựa - Độ dài: 3m6/cây (bán cả cây) - Kèm theo: mỗi cây ốp chân bao gồm 1 nối góc và 5 móc chân tủ bếp - Phụ kiện nối thẳng bán rời	Cây	655.000
	GA5.2	Phụ kiện nối thẳng		Cái	110.000
	GA6	Tấm lót đáy tủ bếp	- Dùng cho ngăn kéo, kệ, tủ - Chất liệu: Nhựa ABS dẻo mềm - Khổ rộng 1m, bán theo mét dài	Mét	390.000
	GA7	Nẹp bo viền cánh gỗ 18mm	- Dùng bo viền cánh gỗ dày 18mm - Chất liệu: Hợp kim nhôm - Khổ rộng: 18mm - Độ dài: 3m/cây (bán cả cây)	Cây	145.000
	GA8	Nẹp trang trí mặt cánh tủ 8mm	- Dùng để trang trí mặt cánh tủ - Chất liệu: Hợp kim nhôm - Khổ rộng: 8mm - Độ dài: 3m/cây (bán cả cây)		89.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

ĐÈN LED CẢM ỨNG CAO CẤP
Led lights

Đèn LED tắt/bật bằng cảm ứng chuyển động, lắp ngoài khoang tủ

Mã sản phẩm	GL66A
Quy cách	R600*S45*C12.2 (mm)
Mô tả sản phẩm	- Lắp đặt **ngoài** khoang tủ. - Khi người sử dụng đưa tay lại gần mắt cảm ứng thì đèn LED sẽ tự động bật sáng. Khi đưa tay lần nữa thì đèn sẽ tự tắt. - Dùng điện 1 chiều 12V, công suất 8W. - Cần kết hợp với bộ đổi nguồn GL66B. - Dây kèm theo dài: 1,5m/đèn
Đơn vị	Cái
Đơn giá (VNĐ) *Chưa VAT*	1.510.000

Đèn LED tắt/bật khi đóng/mở cánh, lắp trong khoang tủ

Mã sản phẩm	GL66C
Quy cách	R180*S40*C10 (mm)
Mô tả sản phẩm	- Lắp đặt **trong** khoang tủ. - Khi mở cánh tủ đèn sẽ tự động bật sáng, khi đóng cánh tủ đèn sẽ tự tắt. - Điện 1 chiều 12V, công suất 2.28W. - Cần kết hợp với bộ đổi nguồn GL66B. - Khoảng cách từ mặt cánh đến mắt cảm biến: ≤30mm - Dây kèm theo dài: 1,8m/đèn
Đơn vị	Cái
Đơn giá (VNĐ) *Chưa VAT*	999.000

Bộ đổi nguồn cho đèn LED cảm ứng GL66A và GL66C

Mã sản phẩm	GL66B
Quy cách	R100*S50*C20 (mm)
Mô tả sản phẩm	- Dùng cho đèn LED cảm ứng GL66A và GL66C. - Bộ đổi nguồn từ 220V xuống 12V. - Điện 2 chiều 100 - 240V, công suất tối đa 24W. - Mỗi bộ đổi nguồn dùng cho không quá 3 đèn LED GL66A, hoặc tối đa 2 đèn LED GL66A và 3 đèn LED GL66C, hoặc tối đa 5 đèn LED GL66C
Đơn vị	Bộ
Đơn giá (VNĐ) *Chưa VAT*	710.000

**Bảo hành 24 tháng đối với các sản phẩm trên*

GARIS®

GARIS VIỆT NAM

Hotline: 0964 11 66 88
Email: cskh@garis.vn
Fanpage: www.facebook.com/garisvietnam
Website: www.garis.vn

SHOWROOM VÀ VĂN PHÒNG KHU VỰC PHÍA BẮC
Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Thanh Bình N07 - B3, đường Thành Thái (đường Duy Tân kéo dài), P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
SĐT: 024 66 82 4949/024 66 81 4949

TRUNG TÂM KỸ THUẬT - BẢO HÀNH KHU VỰC PHÍA BẮC
Địa chỉ: Số 148, đường Đại Mỗ, P. Đại Mỗ, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

SHOWROOM, VĂN PHÒNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT - BẢO HÀNH KHU VỰC PHÍA NAM
Địa chỉ: Số 9, đường Nguyễn Văn Bá, P. Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. HCM
SĐT: 0861 851 5256/ 086 851 5258

SHOWROOM, VĂN PHÒNG KHU VỰC ĐÀ NẴNG
Địa chỉ: Số 90, đường Nguyễn Kim, P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
SĐT: 0964 11 66 88 (nhánh 7)

* GARIS Việt Nam không bán trực tiếp đến khách lẻ - để đặt hàng vui lòng liên hệ các đại lý trên toàn quốc